học tập cải tạo cho 908 người nghiện thuốc phiện, 186 người buôn lậu, 418 người thuộc loại lưu manh trộm cắp, sau học tập cải tạo đã cai nghiện, làm ăn lương thiện[1] . Nạn trộm cắp, nghiện rượu dần dần được bài trừ. Các xã thi nhau lập xã ước. Nội dung các xã ước hướng vào cải cách tập quán, phong tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hoá mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.

Một công việc cấp bách nữa để ổn định tình hình, sau giải phóng là phải trấn áp bọn phản cách mạng do giặc Pháp cài lại trước khi rút chạy. Chính quyền cách mạng tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền cũ của địch. Các xã lập ban trật tự, lập các tổ điều tra phân loại bọn phản động. Một số tên Việt gian đầu sỏ bị trừng trị. Toà án quân sự tỉnh lập tại Ngân Sơn đã xử tử 13 tên, xử chung thân 2 tên, xử 15 năm tù 3 tên. Ngày 8 - 7 - 1950, Toà án quân sự còn tuyên án xử tử vắng mặt những tên phản động đầu sỏ khác như Trần A Kín, Lý Tiến Hình, v.v.. Với những tên tội nhẹ thì ta khoan hồng hoặc xử án treo, hoặc chỉ răn đe, giám sát. Công tác an ninh, trật tự xã hội đạt kết quả tốt.

Những thành tích trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn từ

---

1. Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Kạn: "Báo cáo tám năm kháng chiến" ngày 3-12-1954.

sau giải phóng đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp đã ổn định và nâng dần đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố hậu phương phục vụ tiền tuyến, phát triển mọi mặt, đặt cơ sở để phát triển trong giai đoạn mới.

III. CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN PHỤC VỤ CHIẾN TRƯỜNG

Ngày 21 - 1 - 1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp đánh giá tình hình kháng chiến và quyết định gấp rút chuẩn bị để chuyển sang giai đoạn tổng phản công. Ngày 2 - 4 - 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Bắc Kạn làm việc với ban lãnh đạo tỉnh. Giữa năm 1950, Người lại về thăm Bắc Kạn. Nói chuyện với cán bộ, đồng bào tại Khuổi Cuồng, Người giải thích về chính sách thuế nông nghiệp và nhắc nhở đồng bào nâng cao cảnh giác, đề phòng hoạt động phá hoại của giặc.

Tháng 6 - 1950, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giải phóng một phần biên giới, mở thông đường giao thông, liên lạc giữa Liên khu Việt Bắc, căn cứ đầu não kháng chiến với các nước xã hội chủ nghĩa, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Ngày 9 - 9 - 1950, *Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào Cao-Bắc-Lạng*:

"Đồng bào ba tỉnh đã cố gắng rất nhiều trong việc chuẩn bị chiến dịch như: góp quân lương, sửa đường sá, vận tải, chuyên chở, giúp đỡ bộ đội, v.v..

Tôi trân trọng thay mặt Chính phủ và quân đội cảm tạ đồng bào.

Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào ba tỉnh, các ủy ban kháng chiến và hành chính, các đoàn thể nhân dân cố gắng thêm nữa, tiếp tục giúp đỡ cho bộ đội ta trước mặt trận để quân ta giết nhiều địch, đánh thắng to".

Đồng bào hãy tiến lên làm gương kiểu mẫu cho nhân dân toàn quốc, giúp cho chiến dịch được thắng lợi"[1].

Bắc Kạn đã trở thành hậu phương trực tiếp của chiến dịch. Ngày 4 - 11 -1949, Chính phủ ra *sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự* cho tất cả nam công dân từ 18 đến 45 tuổi. Thanh niên Bắc Kạn nô nức ghi tên tòng quân tham gia bộ đội. Riêng năm 1950, năm đầu tiên thực hiện nghĩa vụ quân sự, tỉnh đã tuyển được 700 tân binh. Tuy nhiên, do quân số ở địa phương tăng nhanh, cùng với việc tăng cường dân quân du kích, huy động dân công, thanh niên xung phong nên sức lao động ở địa phương thiếu, phần đảm bảo nhu cầu cho bộ đội có hạn, đời sống thiếu thốn nên có lúc việc tuyển tân binh gặp khó khăn. Trước tình hình trên, thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương: "Việc xây dựng bộ đội địa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 6, tr. 94.

phương và phát triển dân quân lúc này là góp một phần rất quan trọng trong việc đẩy mạnh chiến tranh, giúp cho chiến lược tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công được thực hiện"[1]. Tỉnh uỷ chỉ đạo các địa phương giáo dục trách nhiệm nghĩa vụ kháng chiến cho toàn dân. Cùng với việc cấp kinh phí, vận động nhân dân đóng góp nuôi dưỡng bộ đội, các đơn vị tích cực tăng gia sản xuất.... nên đời sống bộ đội được đảm bảo. Công tác tuyển quân đã có những chuyển biến tốt không những bảo đảm đủ quân số ở tỉnh, huyện mà còn bổ sung cho các đơn vị chủ lực. Ở tỉnh, Tỉnh uỷ chủ trương tăng cường bộ đội địa phương theo hướng "Bộ đội địa phương làm chủ địa phương". Tiểu đoàn bộ đội địa phương đầu tiên của tỉnh là tiểu đoàn Ba Bể gồm 13 trung đội thành lập từ năm 1950. Ba huyện Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Rã có 3 trung đội bộ đội huyện. Đầu năm 1952, quân số toàn tỉnh là 558. Ngoài ra mỗi huyện còn có một đại đội dự bị sẵn sàng bổ sung quân số cho các đơn vị cấp trên khi cần thiết. Mỗi xã tổ chức từ hai tiểu đội đến một trung đội dân quân du kích. Ở các địa bàn xung yếu như dọc Quốc lộ số 3, bắc Chợ Rã, ban chỉ huy các xã đội đồng thời là Ban chỉ huy trung đội du kích. Chi bộ Đảng các xã cử một chi uỷ viên làm chính trị viên xã đội kiêm công tác chính trị trung đội. Chi bộ cũng chỉ định nhiều đảng viên tham gia du kích.

---

1. *Văn kiện Đảng (1949-1950),* sđd, quyển 2, t.II, tr.226.

Tuy là một tỉnh nhiều dân tộc ít người, đời sống còn khó khăn, rất cần lao động để sản xuất, hơn nữa tâm lý ngại xa nhà có tác động không nhỏ nhưng nhân dân được giáo dục động viên, giác ngộ nghĩa vụ tham gia kháng chiến nên những chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự, quân số bộ đội địa phương, dân quân du kích đều bảo đảm chỉ tiêu trên giao và yêu cầu của địa phương.

Vấn đề bảo đảm giao thông vận tải

Phục vụ chiến dịch biên giới và cuộc kháng chiến nói chung là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của tỉnh Bắc Kạn lúc này. Quốc lộ số 3 chạy dọc giữa tỉnh là tuyến giao thông chiến lược, huyết mạch của cuộc kháng chiến. Năm 1947, để cản bước tiến của giặc, ta đã phá một số đoạn trên tuyến đường này. Giặc Pháp trước khi rút chạy lại phá nhiều đoạn đường, nhiều cầu cống làm gián đoạn giao thông. Đầu năm 1950, Trung ương Đảng chủ trương sửa chữa khôi phục lại Đường số 3 đoạn từ thị xã Thái Nguyên đến giáp Cao Bằng, dài 197 km. Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo khôi phục Đường số 3 và phát động chiến dịch cầu đường ở ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Tỉnh ủy Bắc Kạn xác định sửa chữa cầu đường là một trong những trọng tâm công tác trong thời kỳ này, và phát động "chiến dịch cầu đường lần thứ nhất". Chiến dịch bắt đầu từ ngày 15 - 1 - 1950, đến ngày 19 - 5 - 1950, đã huy động 5.000 dân công với hàng vạn ngày

công, 1.200 trâu kéo, chặt trên 2.000 cây gỗ làm cầu. Kết quả đã sửa xong 275 km đường, 150 cây cầu có tổng cộng chiều dài 1.267m. Để khắc phục hậu quả nghiêm trọng do trận lũ gây ra, ngày 24 - 10 - 1950, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị quân dân chính. Hội nghị quyết định huy động khẩn cấp 2.000 dân công cho các công trường đảm bảo sau 25 ngày thông xe trên các trục đường chính. Với thành tích đạt được trên mặt trận cầu đường bảo đảm giao thông vận tải năm 1950, tỉnh được Chính phủ tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba và cờ luân lưu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 1950).

Để phục vụ trực tiếp cho chiến dịch Biên Giới, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ *bán gạo để "khao thưởng bộ đội"* và phong trào cấp dưỡng bộ đội địa phương, cả tỉnh thu được 410 tấn thóc, 10.085.400 đồng và 2.088.600 đồng công phiếu kháng chiến. Bắc Kạn đã xứng đáng là hậu phương trực tiếp của chiến dịch Biên giới. Kết thúc chiến dịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên dương công trạng ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn:

"Chúng ta đã thắng lợi to trong chiến dịch Cao-Bắc-Lạng. Có cuộc thắng lợi đó là vì đồng bào ba tỉnh ta rất hăng hái tham gia kháng chiến... Đồng bào Cao-Bắc-Lạng đã làm kiểu mẫu trong việc động viên nhân lực, vật lực, tài lực cho kháng chiến"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr 104.

Đồi Khau Mạ, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, nơi ở và làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng cùng Hội đồng Chính phủ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 - 1951)

Chiến thắng Biên giới thu - đông năm1950 mở ra cục diện mới của cuộc kháng chiến, quân và dân ta còn phải tiếp tục chiến đấu lâu dài, hy sinh gian khổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn:

"Chúng ta phải nhớ rằng: trong toàn cuộc trường kỳ kháng chiến thì thắng lợi này chỉ mới là một bước đầu. Chúng ta còn phải đánh và phải thắng nhiều trận gay go hơn, to tát hơn nữa mới đi đến thắng lợi hoàn toàn"[1].

Từ sau chiến dịch Biên giới, quân dân ta liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn: chiến dịch Trung du (chiến dịch Trần Hưng Đạo) cuối năm 1950, chiến dịch đường số 18 (chiến dịch Hoàng Hoa Thám) đầu năm 1951, chiến dịch Hà Nam Ninh (chiến dịch Quang Trung) giữa năm 1951, chiến dịch Hoà Bình cuối năm 1951, đầu năm 1952, chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952, giành và giữ thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), đẩy thực dân Pháp vào thế bị động.

Để ngăn chặn sự chi viện từ biên giới, từ căn cứ địa Việt Bắc cho các chiến trường, giặc Pháp tăng cường dùng máy bay bắn phá các tuyến đường giao thông, trong đó đoạn Đường số 3 đi qua tỉnh Bắc Kạn là một trọng điểm. Chỉ tính riêng năm 1952, địch đã dùng 482 lần chiếc máy bay hoạt động trên bầu trời Bắc Kạn, trong đó 143 lần bắn súng, 270 lần thả bom, 83 lần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr 104, 106.

thám thính. Số bom chúng đã thả là 3.908 quả từ 250 đến 500 kg, các loại bom dù, bom bẫy ..., 273 quả bom nổ chậm xuống chủ yếu là khu vực thị xã, các thị trấn và các điểm xung yếu trên trục Đường số 3. Có những đoạn đường xung yếu khó sửa chữa, các ngầm, đường tránh, địch ném bom nhiều lần như Đèo Giàng, Chợ Mới, bến phà Bắc Kạn, cầu Nà Phặc, cầu Ngân Sơn... Ngoài ra bọn gián điệp chỉ điểm cho máy bay địch bắn phá các kho tàng, cơ xưởng, các làng mạc thị trấn gần mặt đường. Thủ đoạn đánh phá của địch rất thâm hiểm. Đầu tiên là loạt bom phá, rồi đến loạt bom nổ chậm từ 5 giờ đến 64 giờ, tiếp theo lại một loạt bom phá để vùi lấp bom nổ chậm, làm cho ta không phá được bom nổ chậm sửa chữa thông đường. Sự đánh phá ác liệt của địch gây cho ta một số tổn thất: 28 người chết, 27 người bị thương, 118 con trâu, 5 con bò chết và bị thương, cháy 62 nhà, 5.500 kg thóc ... Nhiều quãng đường bị phá nát từ 1 đến 4 km như hai bên đỉnh đèo Giàng, cây số 126, 131, 137...[1].

Cũng trong năm đó có 11 trận lũ quét liên tiếp làm sạt lở nhiều quãng đường, cuốn trôi nhiều cầu tạm.

Trung ương Đảng rất quan tâm đến việc bảo vệ giao thông của Bắc Kạn. Vì vậy, Trung ương đã cử đồng chí

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn: Báo cáo số 01 BC/BK, trình bày trước Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng tháng 1-1953.

Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục cung cấp Bộ Quốc phòng lên Bắc Kạn trực tiếp chỉ đạo và tăng cường cho Bắc Kạn nhiều liên phân đội thanh niên xung phong từ các tỉnh miền xuôi.

Đầu năm 1951, Đảng bộ Bắc Kạn họp Hội nghị tổng kết công tác cầu đường năm 1950 và bàn phương hướng nhiệm vụ bảo đảm cầu đường thời gian tới. Đảng bộ xác định "Công tác sửa chữa và bảo vệ cầu đường lúc này là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ", "thành công hay thất bại trong việc sửa chữa, bảo vệ cầu đường để bảo đảm vận tải ở Bắc Kạn hiện nay có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến việc chuyển vận quốc phòng". Tỉnh quyết định phát động "Chiến dịch cầu đường lần thứ hai" với quyết tâm "Đường số 3 phải tốt để xe trâu, xe ô tô và cả ô tô lớn GMC đi lại dễ dàng".

Thực hiện chủ trương đó, quân dân trong tỉnh đã được huy động chiến đấu, lao động, đánh địch, bảo vệ, sửa chữa cầu đường bảo đảm giao thông vận tải. Đơn vị bộ đội đối không (phòng không) được trang bị sáu đại liên, sáu trung liên, 45 súng trường. Trong những tháng đầu đơn vị đối không cơ động đánh địch trên cả quãng đường Sáu Hai - Cao Kỳ bắn 29 lần với 4.809 viên đạn. Sau đó do địch tập trung đánh phá đường, bộ đội đối không cũng tập trung đánh địch để bảo vệ những đoạn đường quan trọng đã bắn 50 lần với 6.804 viên đạn. Có ngày địch đánh nhiều đợt, mỗi đợt có 5, 6 máy bay bắn

phá dữ dội. Do hoả lực phòng không của ta tập trung có hiệu quả nên máy bay địch không dám bay thấp, ném bom bắn phá chệch mục tiêu giảm bớt thương vong cho người và hư hỏng cầu đường. Như ở phía bắc Đèo Giàng từ 20 tháng 11 đến 15 - 12 - 1952, địch thả 78 quả bom, chỉ trúng mục tiêu năm quả. Ta còn bắn bị thương một số máy bay địch.

Lực lượng tham gia bảo vệ, sửa chữa đường được huy động bao gồm cả cán bộ các ngành quân, dân, chính đảng các cấp. Trong những ngày mưa lũ mức huy động lên đến 80% cán bộ, nhân viên. Mỗi xã tổ chức một đội dân công 30, 40 người từ độ tuổi 15 đến 55 không phân biệt nam, nữ, dân tộc ... và coi đây là nhiệm vụ bắt buộc. Mỗi đội chia làm 2 tiểu đội do một chi uỷ viên hoặc đảng viên phụ trách. Mỗi huyện còn tổ chức các đội thanh niên xung phong.

Trên toàn tuyến đường được chia thành từng đoạn gọi là các công trường. Mỗi công trường có dân công của tỉnh, của huyện, các đội thanh niên xung phong, các đơn vị công binh cùng phối hợp. Ngoài ra còn sử dụng cả lao động của tù binh địch. Tính chung, tỉnh đã huy động trên 400.000 công, trong đó 186.649 công người, 22.137 công trâu kéo gỗ, 16.800 công thợ chuyên nghiệp, 79.913 công thanh niên, và 107.455 công tù binh Âu Phi[1]. Với

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, sđd, tr.132.

Ngày 28-3-1951, tại Nà Tu, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và tặng lực lượng thanh niên xung phong 4 câu thơ nổi tiếng :

"Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên"

số dân trên 7 vạn người(1951), có lúc Bắc Kạn đã huy động tới 4.000 người và 1400 trâu kéo ra mặt đường. Có những trường hợp do địch đánh phá tuyến đường chính ác liệt, ta đã huy động 1 vạn công làm con đường vòng qua Đèo Giàng (đường Mivi) dài 9.600 m trong 10 ngày bảo đảm vận chuyển chi viện cho chiến dịch Tây Bắc. Ngoài trục Đường số 3, tỉnh còn giao trách nhiệm cho huyện Chợ Rã tu bổ thường xuyên đoạn đường Nà Phặc, Hà Hiệu đi Nguyên Bình (Cao Bằng).

Ngoài lực lượng dân công tập trung, tỉnh còn tổ chức được 216 tổ nhân dân bảo vệ cầu đường gồm 3.188 tổ viên trên dọc Quốc lộ số 3 để phối hợp với lực lượng tập trung thường xuyên bảo vệ, sửa chữa cầu đường.

Ngày 28-3-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm cán bộ và đội viên các liên phân đội thanh niên xung phong đang hoạt động ở khu vực Nà Cù - Cẩm Giàng (Bạch Thông). Tại Tổng đội thanh niên xung phong và liên phân đội 302, sau khi thăm hỏi sức khoẻ anh chị em, Người nhắc Ban chỉ huy công trường và cán bộ, đội viên thanh niên xung phong phải tổ chức lao động khoa học, phải đoàn kết thương yêu nhau, đồng thời tổ chức tốt thi đua để mau chóng hoàn thành nhiệm vụ. Người tặng toàn thể cán bộ đội viên 4 câu thơ:

"Không có việc gì khó,

Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên"[1].

Từ giữa năm 1950 đến đầu năm 1951, Bác Hồ đã nhiều lần đi công tác qua và nghỉ lại Bắc Kạn. Bác đã từng nói chuyện và chụp ảnh chung với cán bộ của tỉnh. Những tình cảm và huấn thị quý báu của Người đã tiếp thêm nguồn sức mạnh mới cho Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn trong cuộc kháng chiến.

Ngoài huy động lực lượng sửa chữa, bảo vệ cầu đường là công tác trọng tâm, tỉnh còn huy động ba vạn công xay giã thóc gạo, dùng xe trâu, xe đạp, xe thồ, gánh bộ vận chuyển 1000 tấn thóc, gạo, muối phục vụ các chiến dịch. Huy động hàng trăm dân công sửa đường dây điện thoại phục vụ thông tin liên lạc của Trung ương, Chính phủ, các cơ quan, đơn vị.

Là một tỉnh dân số ít, kinh tế còn kém phát triển, đời sống đồng bào còn không ít khó khăn, nhưng ngoài đóng góp công sức, Đảng bộ tỉnh còn động viên tổ chức đóng góp lương thực, thực phẩm, tài chính cho kháng chiến.

---

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, sđd, tr. 132 và lời kể của đồng chí Nông Viết Toại. Trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, t.6, tr.95, Ban biên tập đã ghi chú: Trung tuần tháng 9-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch, Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

Tiếp sau phong trào bán thóc để khao thưởng và cấp dưỡng bộ đội địa phương, thực hiện lời kêu gọi tiết kiệm lập "hũ gạo kháng chiến" của Bác Hồ, đồng bào lại tiết kiệm đóng góp cho kháng chiến. Đặc biệt phụ nữ huyện Ngân Sơn đã lập thành tích cao được Bác tặng ảnh và viết bài đăng trên báo *Nhân Dân* biểu dương "... Từ tháng giêng đến tháng 3 năm nay[1], phụ nữ Ngân Sơn đã góp được 2230 ống gạo tiết kiệm. Mỗi ống là 7 lạng. Thế là mỗi tháng phụ nữ Ngân Sơn đã góp được 1.061 kg gạo ... Mong rằng các cơ quan bộ đội và địa phương đều cố gắng thi đua làm hũ gạo kháng chiến như đồng bào Ngân Sơn"[2].

Ngày 1 - 5 - 1951, Chính phủ ban hành *Sắc lệnh về thuế nông nghiệp* để bảo đảm công bằng nghĩa vụ và quyền lợi của người nông dân đối với nhà nước. Đây là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong kháng chiến. Với chính sách thuế, sự đóng góp của dân mang tính pháp lý, bắt buộc, tuỳ theo diện tích sản xuất và sản lượng thu hoạch của từng gia đình. Mặc dù đã được học tập và mức thuế không cao, nhưng lúc đầu cũng có một số người, trong đó có cả cán bộ, đảng viên do chưa hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tác dụng của chính sách thuế nên còn khai dấu diện tích, hạ sản lượng để hạ thấp mức thuế. Tỉnh chủ trương các địa phương sơ

---

1. Năm 1952.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t 6, tr.194-196.

kết rút kinh nghiệm về thực hiện chính sách thuế nông nghiệp.

Ngày 27 - 10 - 1951, huyện Bạch Thông tổ chức Hội nghị sơ kết thuế nông nghiệp. Hội nghị vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện. Người biểu dương những thành tích nổi bật của nhân dân Bắc Kạn, chỉ rõ nhiệm vụ phục vụ kháng chiến, phục vụ các chiến dịch trong thời gian tới và giải thích ý nghĩa, mục đích, bản chất thuế nông nghiệp... Nhờ sự tuyên truyền giáo dục sâu sắc rộng rãi trong quần chúng, nhờ cán bộ đảng viên gương mẫu, các địa phương tổ chức đo đạc lại diện tích, định lại sản lượng sát đúng thực tế nên nông dân đã từng bước thông hiểu chính sách, tự nguyện đóng thuế. Năm 1951, 1952, tình hình thu thuế nông nghiệp còn chậm và khó khăn. Năm 1951 đạt 2.625.304 kg thóc, năm 1952 là 2.799.891 kg, sang năm 1953 đã đạt 102,3% chỉ tiêu trên giao.

Do thành tích trên, trong Hội nghị tổng kết thuế nông nghiệp của Liên khu đầu năm 1954, Bắc Kạn đã được Liên khu khen là tỉnh gương mẫu nhất, được giữ lá cờ thi đua gương mẫu nhất của Liên khu và bức chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thuế công thương nghiệp hàng năm cũng thu trên 100 tấn quy ra thóc. Thuế sát sinh, thuế lâm sản mỗi năm hàng chục triệu đồng[1].

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn: Báo cáo số 01 BC/BK ngày 5 -1 -1953.

Đồi Nà Pậu, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp năm 1951

1929, thực dân Pháp đã mở công trường khai thác vàng tại đây. Vì thế vùng này thành phần cư dân khá phức tạp. Bọn lưu manh từ các trung tâm kinh tế quanh vùng tập hợp nhau thành thổ phỉ thường xuyên quấy nhiễu nhân dân và vũ trang cướp các đoàn buôn lậu.

Trước Cách mạng Tháng Tám, ở vùng này bọn phỉ đã xuất hiện. Cách mạng thành công lực lượng phỉ ở đây vẫn tồn tại nhưng không dám hoạt động.

Cuối năm 1945, được quân Tưởng tiếp sức, bọn trùm phỉ đã lén lút tập hợp tay chân trong những "Hội quán Hoa kiều" ở huyện lỵ và trụ sở "Nam dương Hoa kiều hiệp hội" ở Pác Nặm.

Sau khi quân Tưởng rút khỏi nước ta, bọn phỉ nằm im một thời gian. Tháng 10 - 1947, quân Pháp nhảy dù chiếm Bắc Kạn, vội thu nạp bọn này, trả lương và phát súng dùng chúng quấy phá hậu phương ta và mộ lính đánh thuê cho chúng. Vì thế, cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, lực lượng phỉ tăng nhanh. Tại các sào huyệt ở Pác Nặm, Bản Nghiểng, tháng 10 - 1947 có 47 tên thì đến tháng 1 - 1948 đã tăng lên hàng trăm tên. Nhiều người lương thiện bị chúng đe doạ khống chế, ép buộc, dụ vào lực lượng phỉ hoặc tiếp tế lương thực, thực phẩm, cung cấp tin tức cho chúng. Từ cuối năm 1947, bọn phỉ tăng cường hoạt động, nhất là bọn ở Bành Trạch, chúng dẫn Pháp càn sâu vào vùng tự do của ta cướp của, giết người.

Trước tình hình cấp bách đó, Đảng bộ tỉnh coi nhiệm vụ tiễu phỉ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của nhiệm vụ quân sự và quyết định mở cuộc vận động tiễu phỉ. Tháng 11 - 1947, Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh đã thành lập đội võ trang tuyên truyền chuyên trách nhiệm vụ vận động tiễu phỉ. Đội võ trang tuyên truyền gồm 40 cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn từ nhiều đơn vị khác nhau, chủ yếu là bộ đội. Đội trưởng đội võ trang tuyên truyền là đồng chí Hoàng Nghi Dao, chính trị viên là đồng chí Tịnh (tỉnh đội phó). Trung đoàn 72 được lệnh điều Đại đội 39 do đồng chí Minh Lý làm Đại đội trưởng, hỗ trợ cho đội võ trang tuyên truyền hoạt động. Ty công an cũng thành lập "đội công an tiễu phỉ" do đồng chí Nguyễn Phú Hùng, Quận trưởng quận Công an Chợ Rã làm Đội trưởng để phối hợp.

Ngày 3 - 1 - 1948, các đơn vị tiễu phỉ gồm một số đơn vị chủ lực, đội võ trang tuyên truyền (có đại diện Tỉnh uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh) hành quân lên đến huyện lỵ Chợ Rã. Rạng sáng ngày 4 - 1 - 1948, khoảng 300 tên phỉ kéo xuống tấn công huyện lỵ. Cuộc chiến đấu kéo dài, cuối cùng bọn phỉ núng thế bỏ chạy. Với trận chiến đấu này, ta đã đánh giá lại lực lượng phỉ và đề ra kế hoạch tiêu diệt chúng sát thực hơn. Liên đội tiễu phỉ quyết định chia lực lượng thành hai bộ phận. Lực lượng chính gồm hai tiểu đoàn chủ lực tấn công phỉ ở Bành Trạch. Lực lượng phụ gồm đội võ

trang tuyên truyền và hai đại đội chủ lực sẽ tấn công sào huyệt phỉ ở phía bắc và đông bắc nhằm tiêu hao, tiêu diệt và xua đuổi chúng về Bành Trạch để lực lượng chính tiêu diệt.

Thực hiện kế hoạch, ngày 29 - 1 - 1948, lực lượng chính tấn công địch ở Bản Trà (Bành Trạch) sau đó, ngày 12 - 2 - 1948,quân ta đánh tiếp vào Lủng Chủ (An Thắng). Hai sào huyệt này bị xoá sổ. Bọn phỉ khiếp sợ, nhiều tên phỉ đã mang gia đình ra đầu thú xin cách mạng khoan hồng.

Tháng 2-1948, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, phát triển các đoàn thể quần chúng trong khắp vùng có phỉ hoạt động, đồng thời ra sức xây dựng và củng cố dân quân du kích, tiến công địch cả về chính trị, quân sự, kinh tế. Tích cực phân hoá hàng ngũ phỉ, tuyên truyền giáo dục quần chúng bị phỉ khống chế...

Trong tháng 3 - 1948, phối hợp với lực lượng tiễu phỉ ở Cao Bằng, lực lượng vũ trang Bắc Kạn đã mở đợt tiến công mới vào các sào huyệt phỉ trên tuyến địa giới giữa Chợ Rã với Nguyên Bình, diệt và bắt nhiều tên.

Trước tình hình bọn phỉ lâm vào tình trạng có nguy cơ tan rã, thực dân Pháp vội tiếp sức cho chúng bằng cách: Trừng trị những tên bất lực gây mâu thuẫn nội bộ, tăng cường cung cấp vũ khí và một số hàng hoá khan

hiếm, khuyến khích tuyển mộ lực lượng. Cuối năm 1948, lực lượng chúng ở vùng Nguyên Bình, Chợ Rã khoảng 520 tên với 90 súng do Sí Lìn cầm đầu. Bọn phỉ lại ráo riết củng cố lại các sào huyệt ở Pác Nặm, Bản Nghiểng... làm thành một hệ thống liên hoàn với cứ điểm Pháp ở Tĩnh Túc (Cao Bằng), chia cắt và uy hiếp hậu phương ta. Cuối năm 1948, Pháp cố vực bọn phỉ ở bắc Chợ Rã, tham vọng dùng chúng thành lập bộ máy ngụy quyền trong "Liên bang Tày - Nùng". Bọn phỉ trở lại hoạt động rất liều lĩnh suốt một vùng từ Bằng Thành, Giáo Hiệu, Nghiên Loan, An Thắng. Chúng tràn xuống một số bản bắn giết, đốt phá, cướp bóc, hung hãn uy hiếp huyện lỵ Chợ Rã. Chúng còn tung tin Pháp chuẩn bị nhảy dù xuống Chợ Rã, tấn công Việt Bắc lần thứ hai để gây hoang mang trong quần chúng.

Đầu năm 1949, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị về việc đối phó với phỉ: tăng cường công tác vận động chính trị và quyền lợi kinh tế để lôi kéo, gây ảnh hưởng với phỉ; công bố chính sách khoan hồng của Chính phủ đối với những người quay về với Tổ quốc. Nghĩa là dùng chính trị nhiều hơn quân sự. Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh cử đồng chí Nông Văn Quang uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh và đồng chí Vi Văn Chí, Uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Chợ Rã chuyên trách công tác vận động phỉ.

Công tác vận động chính trị cũng mang lại một số

kết quả, từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1948 đã có 162 phỉ ra thú tội. Tuy nhiên nói chung bọn phỉ vẫn ngoan cố, dựa vào quân Pháp chống phá ta quyết liệt.

Để chuẩn bị cho đợt tiễu phỉ mới, Bắc Kạn và các tỉnh bạn phải phối hợp lực lượng và hành động. Tĩnh Túc và Chợ Rã đã ký kết biên bản thoả thuận hợp tác mọi mặt để tiễu phỉ. Cuối năm 1948, có Hội nghị dân chính liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng đã thoả thuận hợp tác mọi mặt trong đó có nhiệm vụ tiễu phỉ. Tháng 3 năm 1949, ta mở cuộc tấn công phá tan các sào huyệt phỉ trên dọc địa giới hai huyện Chợ Rã và Nguyên Bình là các sào huyệt chúng dự định làm căn cứ xuất phát để tiến công huyện lỵ Chợ Rã.

Đầu tháng 4 - 1949, lực lượng tiễu phỉ Bắc Kạn và Cao Bằng lại phối hợp mở các cuộc vây quét địch ở vùng địa giới ba huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình (Cao Bằng), Chợ Rã.

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (ngày 6-7-8 tháng 4 - 1949) đã quyết nghị thành lập một tiểu ban do Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh trực tiếp điều khiển để vận động và theo dõi thổ phỉ hàng ngày; dồn những làng nhỏ thành những làng to để tiện việc lập làng chiến đấu. Đồng bào các xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, An Thắng, Bành Trạch là vùng phỉ hoạt động đã tự giác sống tập trung để có đủ sức chống phỉ cướp phá.

Dân quân du kích được trang bị thêm vũ khí, tăng cường cảnh giác sẵn sàng chiến đấu.

Sau khi Pháp rút chạy khỏi Bắc Kạn, cuộc vận động tiễu phỉ phát triển thuận lợi. Lực lượng phỉ tan rã từng mảng, bọn đầu sỏ bị cô lập và bị bắt dần. Trên cơ sở nhận định lực lượng quân sự phỉ bị đập tan, liên đội tiễu phỉ đã hoàn thành nhiệm vụ, tỉnh cho phép các đơn vị bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương rút về mặt trận Đường số 3, giải thể đội võ trang tuyên truyền và đội công an tiễu phỉ. Nhiệm vụ bảo vệ rừng núi phía bắc Chợ Rã được giao cho huyện đội dân quân.

Lợi dụng những thiếu sót của ta trong quá trình tiễu phỉ, lợi dụng lúc quân dân ta tập trung vào bảo vệ con đường huyết mạch số 3, một số tên phỉ lọt lưới trong các đợt truy quét đã cấu kết với một số tên biệt kích Pháp thả xuống Hà Giang (tháng 7-1952), bọn tàn quân Tưởng, bọn gián điệp đặc vụ... khôi phục lại hoạt động ở các sào huyệt cũ.

Tiễu phỉ lại trở thành nhiệm vụ cấp bách, đầu năm 1953, đội vũ trang tuyên truyền lại được lập lại. Đội được phiên chế thành một trung đội. Một đại đội bộ đội địa phương (C96) được lệnh phối hợp với đội võ trang tuyên truyền. Các ngành, các đoàn thể hữu quan như Công an, Phụ nữ, Thanh niên, Văn hoá thông tin, v.v. cũng được chỉ định tham gia cuộc vận động. Tất cả

thống nhất thành *đoàn công tác tiễu phỉ.* Đoàn chia thành từng nhóm về "ba cùng" với dân, tổ chức cho dân học tập đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, mở các lớp dạy văn hoá, biểu diễn văn nghệ, triển lãm tranh ảnh... để giác ngộ, vận động nhân dân. Do đó, quần chúng từ chỗ sợ liên lụy đã mạnh dạn tố cáo những tên trùm phỉ và bọn tay sai đắc lực của chúng.

Đến cuối năm 1953, các tên trùm phỉ lần lượt bị bắt, hoặc ra đầu thú. Ngày 18 - 12 - 1953, Liên khu uỷ Việt Bắc ra Chỉ thị "Đẩy mạnh hoạt động tiễu phỉ ở khu vực giáp giới bốn tỉnh", và quyết định thành lập "Ban chỉ đạo công tác tiễu phỉ" ở khu vực này. Được sự phối hợp chặt chẽ của các tỉnh bạn, đoàn công tác tiễu phỉ Bắc Kạn tiến hành đợt ba cuộc vận động tiễu phỉ ở khu vực giáp ranh bốn tỉnh trong đó trọng điểm là Bản Mạn. Đầu năm 1954, đoàn mở rộng diện vận động tiễu phỉ ra các xã còn lại như Xuân La, Bộc Bố... và kết thúc thắng lợi công tác tiễu phỉ.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bắc Kạn vừa là tiền tuyến trực tiếp đánh địch chiếm đóng, vừa là hậu phương phục vụ chiến trường. Theo đường lối vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn vừa chiến đấu, phục vụ chiến dịch vừa sản xuất xây dựng hậu phương. Quân dân Bắc Kạn đã phối hợp với

bộ đội chủ lực anh dũng chiến đấu đánh địch bảo vệ an toàn cơ quan trung ương, tiêu hao, tiêu diệt, quét sạch quân địch khỏi quê hương. Với nhiệm vụ hậu phương, có khi là hậu phương trực tiếp của mặt trận, Bắc Kạn đã đóng góp sức người, sức của, nổi bật là bảo đảm giao thông vận tải phục vụ kháng chiến.

Sự đóng góp của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn trên mọi lĩnh vực trong kháng chiến thể hiện lòng yêu nước thiết tha, tuyệt đối tin theo Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh của các dân tộc trong tỉnh. Bắc Kạn tự hào về sự đóng góp xứng đáng của một tỉnh miền núi, dân số ít, kinh tế còn nghèo trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

PHẦN THỨ III

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG ĐỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

Chương I

KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thắng lợi, mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng nước ta. Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ mới là đất nước ta tạm chia làm hai miền, có hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Trong hoàn cảnh đó, Đảng quyết định đưa miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn ở miền Nam vẫn tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Cả hai cuộc cách mạng đó được kết hợp chặt chẽ với nhau trên phạm vi chiến lược nhằm mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 5 đến ngày 7 - 9 - 1954, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đã xác định nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta là đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu của địch phá hoại hiệp định để củng cố hoà bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi kinh tế, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để

củng cố miền Bắc; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị ở miền Nam nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Củng cố miền Bắc về mọi mặt là một nhiệm vụ rất quan trọng, vì miền Bắc có được củng cố, mới có đủ lực lượng để củng cố hoà bình, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ, thống nhất đất nước.

Căn cứ vào nhiệm vụ, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình của địa phương, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã từng bước vạch ra nhiệm vụ cụ thể và biện pháp thích hợp để lãnh đạo nhân dân thực hiện.

I. HOÀN THÀNH GIẢM TÔ, KHÔI PHỤC KINH TẾ, TIẾN HÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1960)

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, ruộng đất canh tác ít. Nông dân lao động mà đa số là đồng bào các dân tộc ít người vốn không có ruộng hoặc có rất ít ruộng đất, bị địa chủ phong kiến áp bức bóc lột nặng nề. Không những thế, đồng bào còn bị thần quyền và các phong tục tập quán lạc hậu chi phối. Tuy nhiên, Bắc Kạn nằm trong vùng căn cứ địa cách mạng từ trước Cách mạng Tháng Tám và vùng giải phóng trong kháng chiến chống Pháp nên nhân dân Bắc Kạn đã sớm được hưởng những quyền lợi về kinh tế, về ruộng đất từ trong thời kỳ kháng chiến

chống Pháp. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, cuộc vận động quần chúng thực hiện giảm tô và giảm tức đã diễn ra ở các xã, huyện trong toàn tỉnh. Chỉ riêng hai huyện Bạch Thông và Ngân Sơn, đầu năm 1955, đã hoàn thành công tác giảm tô, nhờ vậy đời sống của nông dân lao động đã được cải thiện một phần.

Tình hình phân hoá giai cấp không giống như các tỉnh ở đồng bằng. Việc chiếm hữu ruộng đất của các giai tầng trong xã hội cũng không quá chênh lệch. Hơn nữa việc thực hiện từng bước chính sách ruộng đất của Đảng trong quá trình kháng chiến đã làm cho một số nông dân lao động đã có thêm ruộng đất để canh tác.

Từ sau năm 1954, cuộc vận động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất đã diễn ra sôi nổi ở các tỉnh đồng bằng và trung du. Ở miền núi và vùng cao không tiến hành cải cách ruộng đất mà chỉ thực hiện kết hợp cải cách dân chủ với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Tuy vậy, ở Bắc Kạn vào đầu năm 1956, tỉnh có chỉ đạo thực hiện vận động cải cách ruộng đất thí điểm đối với miền núi trong phạm vi 10 xã ở Bạch Thông và 2 xã ở Na Rì.

Cũng giống như các tỉnh khác trên miền Bắc, trong quá trình thực hiện cuộc vận động giảm tô, giảm tức, Bắc Kạn cũng phạm sai lầm về mặt tổ chức, về phân định thành phần giai cấp, đã gây nên những hậu quả

không tốt đến sự đoàn kết thôn bản, đến chính sách mặt trận của Đảng, v.v.. Ở Bạch Thông, trong 10 xã đã quy 25 hộ thuộc thành phần địa chủ, song hầu hết là không đúng. Đến sửa sai hạ 24 hộ xuống thành phần nông dân lao động, chỉ còn 1 địa chủ kháng chiến.

Sau khi phát hiện sai lầm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương kiên quyết sửa chữa sai lầm, phát huy những thành quả đã đạt được, đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn... Chủ trương sửa chữa sai lầm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh được toàn Đảng, toàn dân hưởng ứng. Bắc Kạn đã nghiêm chỉnh thực hiện sửa chữa sai lầm, phát huy những thành quả đã đạt được, ổn định tình hình địa phương, đẩy mạnh sản xuất, tích cực thực hiện nhiệm vụ kế hoạch khôi phục kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân lao động. Công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất ở Bắc Kạn đã hoàn thành nhanh gọn, đúng chủ trương của Trung ương Đảng.

Từ năm 1954 trở đi, cùng với nhân dân toàn miền Bắc, Đảng bộ Bắc Kạn đã lãnh đạo và tổ chức nhân dân trong toàn tỉnh nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống... thực hiện kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hoá (1955-1957) của Nhà nước.

Về nông nghiệp, tỉnh đã cố gắng chỉ đạo tăng diện tích gieo trồng và nâng cao năng suất.

Năm 1956, toàn tỉnh có 12.683 ha ruộng, trong đó có

2.495 ha cấy hai vụ, 454 ha 1 vụ màu 1 vụ lúa, năng suất bình quân đạt 1.750 kg/ha. Khoai sọ, khoai lang, sắn khoảng 660 ha, năng suất bình quân đạt 1.400 kg/ha, sản lượng đạt 924.000 kg. Ngoài cây lương thực, tỉnh còn trồng các loại cây công nghiệp như bông 741 ha, năng suất đạt 80 kg/ha, sản lượng đạt 59.280 kg; mía 92 ha, sản lượng đạt 80.000 kg đường; thuốc lá 19 ha, sản lượng đạt 1.900kg sợi; lạc 400 ha, sản lượng đạt 9.000 kg; vừng 59 ha sản lượng đạt khoảng 50.000 kg. Như vậy cả về diện tích, năng suất và sản lượng đã vượt năm 1939 là năm phát triển kinh tế cao nhất dưới thời Pháp thuộc. Năm 1956 là năm Bắc Kạn được mùa lớn. Bình quân lương thực đạt đến 360 kg/ đầu người, cây công nghiệp bông, mía, thuốc lá cũng tăng nhanh. Tỉnh đã phát động và cung cấp 10 tấn giống mì trồng ở vùng soi bãi ven sông. Hai huyện Ngân Sơn, Chợ Rã trồng mì thay dần cho trồng bắp thời vụ muộn dễ bị ngập. Huyện Ngân Sơn có diện tích trồng mì đến 7.505 bung (khoảng 750 ha). Cùng với trồng cây, chăn nuôi cũng phát triển. Năm 1956 có:

- 33.600 con trâu, trong đó có 14.784 trâu cái. Tỷ lệ trâu cái 44%, tỷ lệ trâu con nuôi được 73%.

- 1.776 con bò,trong đó có 768 bò cái, tỷ lệ nuôi được là 82%.

- Ngựa có vị trí quan trọng vận tải ở vùng cao, nhất là trong điều kiện đường giao thông cho xe cơ giới chưa phát triển.

- Lợn được nuôi phổ biến trong các gia đình vừa là nguồn cung cấp thực phẩm chủ yếu cho nhân dân, vừa cung cấp nguồn phân bón phục vụ cây trồng. Cả tỉnh có 39000 con lợn. Lợn thịt xuất chuồng trung bình 40 kg.

- Cá thả ruộng trên diện tích 828 ha và cá đánh ở hồ Ba Bể, sông Năng (Chợ Rã) sản lượng trên 300 tấn.

Lâm nghiệp vốn là thế mạnh của tỉnh vùng cao Bắc Kạn. Sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, mối giao lưu với các vùng, các tỉnh phát triển. Nhu cầu lâm thổ sản phục vụ công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế ở miền xuôi càng cao, lâm nghiệp có điều kiện mở rộng. Tỉnh đã tổ chức khoanh rừng và thám sát rừng, khai thác gỗ phục vụ nhân dân trong tỉnh và cung cấp cho các tỉnh khác. Năm 1956, tỉnh đã thu mua được 1.954m^3 gỗ, đạt 86% kế hoạch. Cũng trong năm 1956, tỉnh thu mua được 51, 854 tấn sa nhân (năm 1955 là 41 tấn) hàng chục vạn tấn củ nâu, hàng triệu cây tre nứa...

Về công nghiệp, cả tỉnh lúc này hầu như chưa có gì, chủ yếu là các nghề thủ công như nghề rèn đúc công cụ gồm 13 lò rèn, 10 lò đúc lưỡi cày chuyên nghiệp. Sản xuất vật liệu xây dựng: một lò gạch, một lò vôi. Nghề mộc có hai tập đoàn. Nghề làm đường có một tập đoàn. Ngoài ra còn nghề thủ công ở các gia đình.

Về thương nghiệp việc thành lập và hoạt động của mậu dịch quốc doanh với các công ty bách hoá hoạt động mua bán khá mạnh, phục vụ có hiệu quả sản xuất và

đời sống của nhân dân. Đặc biệt một số mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào các dân tộc vùng cao trước đây khan hiếm như muối, dầu, công cụ sản xuất và dụng cụ sinh hoạt thì nay được đưa từ miền xuôi lên khá phong phú. Công ty bách hoá có tỷ lệ bán buôn là 18%, bán lẻ 82%.

Về giao thông, đã tu bổ những con đường bộ chính, đường ô tô nối từ quốc lộ và từ thị xã về các huyện. Trên Quốc lộ số 3 thường xuyên có hàng trăm người lao động sửa chữa, duy tu. Một số cầu được xây dựng mới hoặc khảo sát chuẩn bị xây dựng như cầu ở km 62, cầu bắc Đèo Giàng...

Vận tải chủ yếu là ô tô phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hoá, phục vụ nhu cầu chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, giáo dục, quốc phòng, an ninh.

Bưu điện tiến hành lập các trạm bưu chính xã, tu bổ đường dây ...

Sự nghiệp giáo dục có sự phát triển vượt bậc. Dưới chế độ cũ cứ gần 100 người dân mới có một người đi học, 98% người lao động mù chữ, nhiều bản làng không có một người biết chữ. Đến năm 1956, cả tỉnh có bốn trường phổ thông cấp II, 16 lớp, 826 học sinh; 135 trường phổ thông cấp I, 154 lớp, 6868 học sinh. 59 xã trong tỉnh có lớp vỡ lòng với 3328 học sinh. Số học sinh và lớp học nhiều nhưng việc xây dựng trường phát triển không kịp, giáo viên thiếu, sách giáo khoa càng thiếu nghiêm trọng. Ngày 7-10-1956, Ty giáo dục tỉnh đã mở

lớp đào tạo giáo viên người Dao, người H'Mông gồm 60 người, trong đó có 55 nam, 5 nữ.

Phong trào bình dân học vụ được duy trì, nhưng vào dịp ngày mùa bận rộn thì hầu như các lớp đều nghỉ. Giáo viên bình dân không có chế độ thù lao nên một số người cũng chán nản bỏ dạy đi làm các công việc khác kiếm sống. Tuy vậy, phong trào bình dân học vụ đã giúp cho hàng vạn người thoát nạn mù chữ. Phong trào văn hoá cũng đạt được thành tựu bước đầu. Tổ chức tuần lễ phim Liên Xô phục vụ đồng bào, các tổ chức văn nghệ bắt đầu hình thành và tổ chức biểu diễn, tuy trình độ nghệ thuật còn thấp; việc sưu tầm tài liệu bảo tồn bảo tàng được chú ý; sự hiểu biết và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống ngày càng được mở rộng; ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp dân cư được nâng lên; tình trạng dốt nát, mê tín dị đoan, những tập tục, thói quen lạc hậu, những tư tưởng lạc hậu, tệ nạn nghiện hút... do chế độ thực dân phong kiến để lại từng bước bị đẩy lùi.

Về công tác y tế chăm lo sức khoẻ của nhân dân được tỉnh quan tâm và tổ chức triển khai có hiệu quả. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được phát động thực hiện từ trong kháng chiến chống Pháp, đến nay có điều kiện phát triển mạnh hơn. Ngành y tế đã tổ chức chủng đậu từ các cơ quan, công trường đến vùng nông thôn. Tỉnh lập ban chống sốt rét, chiến dịch diệt trừ bệnh sốt rét được phát động. Khắp nơi trong tỉnh đều có phong

trào diệt muỗi, uống thuốc phòng bệnh sốt rét, nhờ vậy bệnh sốt rét, căn bệnh xã hội từ bao đời nay đã bị đẩy lùi một bước. Tỉnh còn cử cán bộ y tế xuống các xã nghiên cứu đề xuất việc chữa bệnh bướu cổ. Phong trào vệ sinh làng bản, sinh hoạt trong từng gia đình và mỗi người được tự giác thực hiện, tạo ra nếp sống văn minh lành mạnh.

Cho đến cuối năm 1956, công cuộc khôi phục kinh tế của tỉnh Bắc Kạn đã căn bản hoàn thành. Một số mặt kinh tế - xã hội, nhất là về giáo dục, y tế đã có bước phát triển đáng kể. Đời sống tinh thần, vật chất của đông đảo đồng bào đã từng bước và từng mặt được cải thiện, tạo ra khí thế hồ hởi, phấn khởi, chuẩn bị bước sang thời kỳ mới.

Từ năm 1957 đến năm 1959, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá. Kế hoạch phát triển toàn diện được đề ra cho ba năm là:

Về nông - lâm nghiệp, chủ trương của tỉnh là không tăng diện tích trồng cây lương thực (riêng đất rẫy còn giảm đi dành trồng cây công nghiệp như thuốc lá), mà chủ yếu là tăng năng suất và tăng vụ để tăng tổng sản lượng và bình quân nhân khẩu. Đến cuối năm 1959, diện tích lúa mùa vẫn gần như năm 1956 là 12.683 ha nhưng năng suất tăng từ 2.075 kg lên 2.375 kg/ha, đưa sản lượng lúa mùa lên 30.122.125 kg (tăng 28% so với năm 1956); diện tích lúa chiêm tăng từ 5.700 ha lên 6.600 ha, năng suất tăng lên 2.178 kg/ha, thu hoạch

14.374.800 kg (giảm 8% so với 1956). Ngoài ra đất soi bãi cũng tăng lên 2.200 ha được tận dụng trồng màu, mì. Diện tích trồng ngô tăng từ 4.193 ha năm 1956 lên 5.700 ha, năng suất từ 1.280 kg lên 2.000 kg/ha. Đỗ các loại sẽ tăng diện tích gấp rưỡi và thu hoạch tăng 50%. Vì kế hoạch đến năm 1959, người dân trong tỉnh chỉ ăn toàn gạo, một phần bắp, còn khoai sắn chỉ dùng chăn nuôi, nên diện tích, năng suất và sản lượng khoai, sắn đều không tăng. Như vậy theo kế hoạch lương thực bình quân nhân khẩu sẽ tăng từ 360 kg năm 1956, lên 587 kg năm 1959. Để tăng diện tích trồng trọt, ngoài kế hoạch phục hồi sản xuất những vùng ruộng đất bỏ hoá, trong ba năm tỉnh đã khai hoang được 133 ha ở hai xã Nam Cường và Yên Thịnh (Chợ Đồn) thành đất trồng trọt. Các loại cây công nghiệp và hoa màu đều tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Về chăn nuôi và ngư nghiệp do nhu cầu sản xuất và đời sống, chăn nuôi *trâu, bò, lợn* phát triển mạnh. Đến năm 1959, số trâu đã tăng lên 39.861 con (tăng 19%), bò 2.540 con (tăng 43%), ngựa 2988 con (không tăng); lợn thịt và lợn nái 75.000 con, cung cấp thịt 2.200 tấn. Lợn là gia súc nuôi phổ biến nhất, tận dụng được lương thực phụ, tạo nên hiệu quả kinh tế cao, là nguồn thực phẩm chủ yếu.

Biện pháp để tăng đàn gia súc là tăng tỷ lệ lợn nái trong đàn, tăng cường giống tốt, lập các trạm truyền giống, bồi dưỡng lợn cái đẻ, chống thả rong trâu bò, mua

thêm bò lập hai trại nuôi bò ở Ngân Sơn...

Việc phát triển đàn gia cầm để tăng thêm khẩu phần thịt cũng được chú trọng. Đến năm 1959, cả tỉnh có 1.082.500 con gà các loại.

Giữ vững diện tích cá ruộng, đẩy mạnh nghề đánh cá ở hồ và sông ngòi. Tại ba xã Mẫu Minh, Cao Thượng và Quảng Khê quanh hồ Ba Bể và ven sông Năng(Chợ Rã) có 125 gia đình vừa làm ruộng, vừa kiêm nghề đánh cá, hàng năm thu được 217 tấn cá tươi. Tỉnh đã nghiên cứu, vận động, hướng dẫn một số người lập công ty sản xuất nước mắm, vận động các hộ đánh cá ký hợp đồng cung cấp cá nguyên liệu và chỉ đạo mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Khai thác lâm sản được đẩy mạnh ở Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Đồn. Thực hiện kế hoạch ba năm, Bắc Kạn đã khai thác 50.000 m^3 gỗ, 18.000 m^3 củi, 8 triệu cây tre nứa, ngoài ra là bẹ móc, nâu, mây song, sa nhân, nấm hương, măng khô...

Để góp phần thúc đẩy sản xuất, tỉnh coi trọng phát triển nghề rèn đúc công cụ, phục vụ nông nghiệp. Trong ba năm sản xuất 38.000 lưỡi cày, 105.000 con dao, 12.000 búa rìu, 30.000 cuốc xẻng, bai, 45.000 liềm. Nhờ vậy đã bảo đảm cho hai hécta ruộng dùng một lưỡi cày trong một năm, một gia đình dùng hai dao trong một năm, búa rìu phục vụ khai thác gỗ.

Nghề làm đường mía phát triển căn bản giải quyết

được yêu cầu đường của nhân dân trong tỉnh với mức năm 1959 là 350 tấn. Các nghề thủ công khác tiếp tục duy trì và phát triển như sản xuất gạch, vôi, ngói, khai thác đá, cát sỏi, nghề nề, mộc... phục vụ xây dựng công sở, trường học, cửa hàng, nhà ở của nhân dân đô thị và nông thôn.

Về thương nghiệp, cân đối kế hoạch bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho nhân dân, trước hết là gạo, theo tính toán số nhân khẩu hàng năm tăng lên:

Năm: 1957 : 76.873 người.

1958 : 77.881 -

1959 : 78.902 -

Do đó, thương nghiệp mỗi năm phải cung cấp khoảng 20 tấn gạo với các đối tượng phi nông nghiệp, bảo đảm cung cấp đủ lương thực theo tiêu chuẩn.

Thịt cá các loại tính bình quân nhân khẩu nhu cầu mỗi năm một tăng, năm 1957 là 24,1 kg thì năm 1959 là 39,2 kg/người. Tổng cộng ba năm nhu cầu là 7.285.760 kg. Số nhu cầu này chủ yếu do chăn nuôi trong tỉnh đảm bảo, ngoài ra còn xuất ra tỉnh ngoài một số lợn, trâu.

Nhu cầu về mặc tính chung trong ba năm bình quân mỗi người dùng 30m vải, mỗi gia đình cần hai chăn bông, hai màn... tính chung cả tỉnh có 15.000 gia đình, quy ra vải mỗi năm cần 3.484.216 m. Số vải sản xuất trong tỉnh không đủ, ngành thương nghiệp tỉnh phải

nhận vải theo kế hoạch phân phối của nhà nước. Các loại vải phin đen, vải xanh, vải gụ... đều đáp ứng thị hiếu của nhân dân.

Nhu cầu về các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác cũng rất lớn mà trong tỉnh không sản xuất được như giấy, dầu hoả, xà phòng, diêm, chủ yếu ngành thương nghiệp phải lo cung cấp. Ngoài ra còn nhu cầu về trang trí gia đình như quốc kỳ, lịch, đồng hồ, bàn ghế... cũng rất lớn.

Về giáo dục, văn hoá, xã hội:

Theo thống kê năm 1956, toàn tỉnh số người mù chữ có 25.900 người. Vì vậy, phát triển giáo dục bình dân là một nhiệm vụ cấp bách của ngành giáo dục tỉnh. Tỉnh đã vạch ra kế hoạch, trong năm 1956, thanh toán mù chữ cho 7.000 người; năm 1957 thanh toán cho 10.000 người; năm 1958 thanh toán ở những vùng đồng bào chưa biết tiếng phổ thông thanh toán 60%, số còn lại thanh toán vào năm 1959.

Cùng với công tác thanh toán nạn mù chữ, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức công tác bổ túc văn hoá. Đến cuối năm 1959, các xã trong toàn tỉnh đều mở các lớp bổ túc văn hoá cấp I, một số xã có bổ túc văn hoá cấp II. Riêng đối với cán bộ xã trong kế hoạch ba năm 1957-1959, mỗi năm sẽ mở những lớp bổ túc văn hoá để nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ xã.

Giáo dục phổ thông, kế hoạch năm học 1956-1957 có

140 trường cấp I, với 223 lớp, 223 giáo viên, 7.025 học sinh; bốn trường cấp II với 18 lớp, 27 giáo viên, 800 học sinh. Đến năm học 1959-1960 phát triển lên 270 trường cấp I với 353 lớp, 353 giáo viên, 11.525 học sinh; bốn trường cấp II, 30 lớp, 44 giáo viên, 1.400 học sinh; một trường cấp III, sáu lớp, 12 giáo viên và 300 học sinh. Theo kế hoạch, tỉnh đặt mức phấn đấu đến hết năm học 1959-1960 có khoảng 100 học sinh vào các trường đại học.

Tháng 5-1957, Tỉnh uỷ Bắc Kạn ra Quyết nghị số 40-QN/BK thành lập trường Đảng tỉnh Bắc Kạn - lấy tên là trường Phùng Chí Kiên đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn. Đây là một bước tiến quan trọng của Đảng bộ Bắc Kạn trong việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo cán bộ Đảng, chính quyền ở địa phương.

Về văn hoá, đến cuối năm 1959 có một rạp chiếu bóng ở thị xã, hai đội chiếu bóng lưu động, năm đội ảo đăng, một thư viện, một câu lạc bộ, năm phòng đọc sách, 103 tổ văn nghệ, 103 tủ sách xã, ba năm tiêu thụ 135.500 cuốn sách, mỗi huyện, thị trấn có hai đội bóng.

Về y tế, tỉnh coi trọng công tác chăm lo sức khoẻ của dân, tích cực chữa các bệnh phổ biến là sốt rét, bướu cổ, báng, phong, kiết lỵ, sởi, đậu mùa... Mức độ yêu cầu thuốc hàng năm tính thành tiền: năm 1957 là 300.000.000 đồng, năm 1958 là 400.000.000 đồng và

năm 1959 là 450.000.000 đồng.

Về tổ chức y tế tỉnh phấn đấu đến cuối năm 1959, bệnh viện tỉnh có 230 giường. Các phòng y tế mỗi huyện có 30 giường, mỗi xã có tủ thuốc xã. Đội ngũ cán bộ y tế gồm có 5 bác sĩ, 15 y sĩ, gần 300 y tá, hộ sinh...

Về xây dựng đô thị, theo kế hoạch của tỉnh các cơ quan đều được xây dựng bằng gạch ngói, bảo đảm diện tích mỗi cán bộ, công nhân viên (1.500 người) bình quân $8m^2$. Xây chợ thị xã, Phủ Thông, Chợ Mới, rạp hát, rạp chiếu bóng, câu lạc bộ, vườn trẻ, bến xe, sân vận động, nhà máy đèn, và dự kiến xây nhà máy nước ở thị xã[1].

Vào đầu năm 1959, giữa lúc nhân dân toàn tỉnh đang nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế và văn hoá (1957-1959) thì Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ IV được triệu tập. Đại hội họp từ ngày 29-1 đến 3-2-1959. Dự Đại hội gồm 63 đại biểu chính thức và 13 đại biểu dự khuyết.

Đại hội ra nghị quyết đánh giá tình hình mọi mặt công tác của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh năm 1958 và quyết định những nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ Bắc Kạn trong năm 1959.

Về nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đại hội nhấn mạnh trước mắt phải coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho quần chúng lao động các dân tộc

1. Theo Dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá ba năm (1957-1958-1959) của Ban kế hoạch tỉnh Bắc Kạn.

thấy rõ hai con đường phát triển hiện nay là xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, để xác định quyết tâm theo Đảng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong nông nghiệp, tỉnh xúc tiến điều tra nắm tình hình, nghiên cứu các chính sách cụ thể để tiến hành kết hợp cải cách dân chủ với hợp tác hoá nông nghiệp.

Về hợp tác hoá nông nghiệp, tỉnh xúc tiến việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để mở rộng phong trào hợp tác hoá. Đầu năm 1959 sẽ có khoảng 33 hợp tác xã cấp thấp và một hợp tác xã cấp cao. Trong vụ mùa đảm bảo 3/4 số xã phải có ít nhất là một hợp tác xã và tới cuối năm 1959 sẽ có 1/3 nông hộ với 4626 hộ tham gia trong khoảng 185 hợp tác xã bậc thấp. Mỗi xã phải có ít nhất một hợp tác xã bậc cao. Mỗi huyện phải có từ tám đến mười hợp tác xã bậc cao.

Ở vùng rẻo cao, mỗi huyện cần lập một hợp tác xã thí điểm để rút kinh nghiệm và đến cuối năm mỗi huyện có từ hai đến bốn hợp tác xã rẻo cao.

Nơi nào chưa lập được hợp tác xã thì đẩy mạnh xây dựng tổ đổi công, nâng tổ thường xuyên bình công chấm điểm để chuẩn bị cơ sở cho việc mở rộng phong trào hợp tác hoá. Trong năm 1959 sẽ có 80% số nông hộ (12.490) vào tổ đổi công, trong đó có 60% (7.494 hộ) thường xuyên bình công chấm điểm.

Về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, năm 1959, phải tiến hành cải tạo thợ thủ công và tư thương với

tinh thần tích cực hơn, nhưng phải thận trọng, chắc chắn.

Đối với người làm nghề thủ công chuyên nghiệp, trong năm cần hoàn thành hợp tác hoá cấp thấp.

Đối với dân nghèo và tiểu thương gồm 646 hộ (228 tiểu thương, 58 buôn chuyến, 112 phục vụ, 248 ăn uống) sẽ giải quyết theo phương hướng :

- 399 hộ đưa vào kinh tiêu đại lý cho mậu dịch quốc doanh hoặc thành lập các tổ hợp tác sơ cấp, trung cấp, cao cấp.

- 247 hộ chuyển vào các ngành nghề sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và vào lao động trong các công trình xây dựng giao thông hoặc vào định cư ở Bản Ty.

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế, năm 1959, kế hoạch sản xuất nông nghiệp được xếp lên hàng đầu trong toàn bộ kế hoạch kinh tế.

Mục tiêu của kế hoạch phát triển nông nghiệp là bảo đảm đủ lương thực cho nông dân cả tỉnh: lấy việc sản xuất lúa là chính nhưng vẫn chú trọng phát triển hoa màu để hỗ trợ cho lúa và đảm bảo thêm lương thực phát triển chăn nuôi và chế biến hàng tiêu dùng (bún, bánh...). Đồng thời bảo đảm phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, khai thác lâm sản, bảo vệ rừng và trồng cây mới.

Nghị quyết đã đề ra một số chỉ tiêu chính: Tổng sản lượng lúa năm 1959 là 41.995 tấn, bình quân đầu người

là 517 kg. Tổng sản lượng hoa màu là 11.152 tấn, bình quân đầu người là 137,4 kg, bông 333 tấn, mía 4.200 tấn cây ... Chăn nuôi đạt sản phẩm thịt hơi 1.351 tấn (bình quân đầu người 12,075kg).

Lâm nghiệp, năm 1959 trồng thêm 20 vạn cây mới, đồng thời khai thác 13.000 m^3 gỗ và khai thác các lâm sản khác.

Thủ công nghiệp, củng cố, phát triển mạnh mẽ các nghề thủ công sẵn có, đồng thời có kế hoạch mở mang thêm các ngành nghề thủ công mới.

Thương nghiệp, năm 1959 bảo đảm khoảng 6.900 triệu đồng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ. Củng cố quan hệ giữa mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán và sử dụng tiểu thương bảo đảm cung cấp hàng hoá cho nhân dân chú ý các mặt hàng thiết yếu như dầu, muối ở những nơi xa xôi hẻo lánh.

Xây dựng cơ bản, tổng số vốn đầu tư năm 1959 là 534.636.000 đồng, trong đó 52,5% đầu tư vào khu vực sản xuất.

Về giáo dục, tăng số trường, lớp và học sinh từ vỡ lòng đến cấp III. Xây dựng ký túc xá cho học sinh các dân tộc ít người, củng cố trường phổ thông lao động để nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ cấp xã. Thanh toán nạn mù chữ 1/2 số xã và tất cả các thị trấn. Mở các lớp bổ túc văn hoá ở các cơ quan tỉnh và bổ túc lớp 1 ở nông thôn để nâng dần trình độ văn hoá của cán bộ và

nhân dân.

Về nhiệm vụ chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh, phải thi hành tốt nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng hậu bị vững mạnh... Kiện toàn bộ máy xã hội, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng dân quân tự vệ. Xây dựng tốt lực lượng bảo vệ, củng cố cơ sở công an các cấp. Nâng cao cảnh giác chính trị cho quần chúng, kiên quyết và kịp thời trừng trị mọi hành động phá hoại của bọn phản động, bài trừ nạn buôn thuốc phiện lậu và đánh bạc. Có kế hoạch toàn diện củng cố các vùng xung yếu, giáp giới các tỉnh bạn. Tăng cường công tác mặt trận, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, đề cao vai trò công đoàn và các đoàn thể quần chúng, gây cơ sở chính trị ở vùng cao. Củng cố vùng xung yếu, tiếp tục tiễu phỉ vùng phía bắc Chợ Rã và coi trọng đào tạo cán bộ các dân tộc ít người; chú trọng đẩy mạnh công tác văn hoá; gây cơ sở chính trị và cơ sở Đảng ở vùng tập trung Hoa kiều, vận động đồng bào tham gia phong trào cách mạng, tránh thành kiến xa lánh Hoa kiều.

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền, hoàn thành việc bầu cử các cơ quan chính quyền nhà nước, bảo đảm tỷ lệ đảng viên tham gia trong các cơ quan đó, chú trọng công tác bồi dưỡng giáo dục cán bộ chính quyền, đặc biệt đề bạt cán bộ dân tộc ít người và phụ nữ. Củng cố xây dựng Đảng, chú trọng gây cơ sở Đảng ở những xã chưa có chi bộ, đẩy mạnh công tác phát triển

Đảng, nhất là ở những chi bộ dưới 10 đảng viên, trong công tác lãnh đạo phải bảo đảm tập trung thống nhất, lãnh đạo toàn diện đồng thời nắm vững công tác trọng tâm. Củng cố sự đoàn kết gắn bó giữa Đảng với quần chúng.

Những nhiệm vụ cơ bản về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng bộ Bắc Kạn đã thể hiện đúng phương hướng, nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội do các Hội nghị lần thứ 14 và 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã vạch ra.

Tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần cá thể trong nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phát triển kinh tế, văn hoá trong ba năm 1958-1960.

Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 4-1959) ra nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp và nghị quyết về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Phương châm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp là "Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng; làm tốt, vững và gọn". Hội nghị nêu ba nguyên tắc cần được quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh trong suốt quá trình xây dựng

và củng cố hợp tác xã là: *Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.*

Đối với miền núi, hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ chung trước mắt là vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ phải xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến. Ngoài hợp tác xã nông nghiệp, miền núi có thể tổ chức những hợp tác xã nông lâm nghiệp và hợp tác xã chăn nuôi.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Khu uỷ, Đảng bộ Bắc Kạn đã có phương hướng, kế hoạch lãnh đạo tổ chức các dân tộc trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, cải cách dân chủ, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá của tỉnh trong những năm 1958-1960.

Đặc điểm Bắc Kạn là tỉnh miền núi nhiều đồng bào dân tộc ít người, vốn là tỉnh kinh tế nghèo, chủ yếu là nông lâm nghiệp, cơ sở công nghiệp hầu như chưa có, thủ công nghiệp cũng phân tán và chưa phát triển, văn hoá, giáo dục ... đều thấp hơn các tỉnh trong khu vực.

Cuối năm 1959, chấp hành Chỉ thị 156 của Trung ương, Tỉnh uỷ Bắc Kạn lãnh đạo nhân dân tiến hành *cải cách dân chủ, gắn với đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất.* Tỉnh đã điều một số cán bộ xuống huyện, cùng với cán bộ huyện xuống xã và do huyện uỷ lãnh đạo. Chi bộ, chính quyền xã tổ chức

cho nhân dân học tập, bàn bạc giải quyết các mối quan hệ trong làng bản trên tinh thần đoàn kết. Cuộc vận động cải cách dân chủ năm 1959 mới chỉ làm thí điểm mỗi huyện một xã để rút kinh nghiệm, đầu năm 1960 cuộc vận động mới được mở rộng ra tất cả các xã.

Cuộc vận động cải cách dân chủ với cách làm dựa vào đảng bộ, chính quyền địa phương, động viên nhân dân tự giác tham gia và bằng phương pháp hoà bình phù hợp nên đã mang lại thắng lợi tốt đẹp, xóa bỏ những tàn tích phong kiến còn lại, nâng cao lập trường giai cấp cho cán bộ đảng viên và nhân dân, tăng cường đoàn kết trong làng bản, nhân dân phấn khởi gia nhập các hợp tác xã, lao động sản xuất phát triển kinh tế.

Năm 1958, Bắc Kạn xây dựng *hợp tác xã nông nghiệp* đầu tiên là hợp tác xã Bản Cầy (tức hợp tác xã Kông Tum ở huyện Ngân Sơn là huyện có Quốc lộ số 3 đi qua và là địa phương có phong trào mọi mặt đều phát triển khá). Sau đó cả tỉnh xây dựng được 36 hợp tác xã bậc thấp, một hợp tác xã bậc cao với 787 hộ nông dân.

Đến cuối năm 1960, cả tỉnh có 1.425 hợp tác xã với 47.127 hộ tham gia, trong đó có 119 hợp tác xã bậc cao. Như vậy cả tỉnh có 82,7% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có hàng trăm xã đã căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, có 100% số hộ vào hợp tác xã.

Song song với việc xây dựng phong trào hợp tác hoá,

công tác *định canh, định cư* cũng được chú trọng triển khai. Theo số liệu điều tra dân số năm 1960, có 2.299 hộ thuộc các dân tộc ít người ở vùng cao, trong đó có 935 hộ đã định cư (một số đã định canh từ trước). Số hộ còn lại vẫn làm ăn theo lối luân canh, luân cư.

Về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, số thợ thủ công hầu hết đã được đưa vào các hợp tác xã hoặc tổ sản xuất, góp phần phát triển sản xuất, đặc biệt cung cấp nhiều hàng hoá phù hợp với tập quán sử dụng của đồng bào trong tỉnh.

Đối với tầng lớp những tiểu thương, tỉnh chủ trương bố trí nhiều tổ cung tiêu cho mậu dịch quốc doanh, hoặc chuyển đi tham gia lao động, một số vẫn tiếp tục hoạt động buôn bán theo phương thức đưa hàng về các vùng xa. Ngoài ra còn phát triển các hợp tác xã tín dụng ở xã.

Cùng với những kết quả về cải tạo quan hệ sản xuất, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá của tỉnh cũng được thực hiện tốt. Năm 1958 so với chỉ tiêu đề ra, có mặt tỉnh chưa đạt được, nhưng so với những chỉ tiêu năm 1957 thì đều tăng đáng kể. Năm 1959, tỉnh chủ trương tập trung lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, coi đó là kế hoạch kinh tế chủ yếu của toàn tỉnh. Mọi công tác kinh tế khác phải phục vụ và kết hợp với nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp.

Năm 1959, tỉnh được mùa lớn chưa từng có về nông nghiệp. Bình quân lương thực đầu người là trên 400 kg,

cao hơn so với một số tỉnh miền núi và cả một số tỉnh đồng bằng lúc đó. Do bội thu lương thực nên chăn nuôi cũng phát triển mạnh, nhất là đàn trâu, bò, lợn, gia cầm...

Công nghiệp địa phương đã bắt đầu hình thành như xí nghiệp in Bắc Kạn, các cơ sở sản xuất nông cụ, chế biến nông lâm thổ sản (xát gạo, bột sắn, xẻ gỗ), sản xuất vật liệu xây dựng (gạch ngói, vôi) đồng thời bắt đầu tổ chức việc thăm dò một số mỏ địa phương (như mỏ sắt, mỏ chì ở Ngân Sơn, mỏ chì ở Bạch Thông) và nghiên cứu một số nơi có thể xây dựng các trạm thuỷ điện nhỏ. Đảng bộ cũng chỉ đạo công tác đào tạo thợ chuyên nghiệp phục vụ các ngành nghề công nghiệp, thủ công nghiệp, chú ý đào tạo công nhân người dân tộc và thành lập một bộ phận theo dõi chỉ đạo phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

Về thương nghiệp đã củng cố và tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nâng tỷ trọng bán lẻ trên thị trường xã hội. Khắc phục một bước căn bản quan điểm kinh doanh đơn thuần, hướng vào phục vụ một cách toàn diện công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, nhất là phục vụ sản xuất nông nghiệp và đặc biệt coi trọng phục vụ vùng rẻo cao.

Trên *lĩnh vực giao thông, vận tải* đã nâng tiêu chuẩn mặt đường Quốc lộ số 3 ở những đoạn xung yếu, củng cố sửa chữa các cầu ngầm. Các đường giao thông

liên thôn, liên xã được phân cấp cho huyện, xã quản lý, chính quyền địa phương động viên lực lượng nhân dân tham gia quản lý, sửa chữa. Nhiệm vụ vận tải vừa tăng thêm phương tiện cơ giới vận tải quốc doanh nhưng vẫn chú ý vận tải thô sơ, phục vụ nội tỉnh là chính.

Cùng với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, sự phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục đã có bước tiến vượt bậc. Trên cơ sở dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá và Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ tỉnh đầu năm 1959, chấp hành Chỉ thị số 1624 ngày 25-7-1959 của Bộ Giáo dục và Chỉ thị số 92 ngày 14-8-1959 của Uỷ ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc, ngày 9, 10-9-1959, tỉnh tổ chức hội nghị phát động phong trào "chiến dịch thu - đông diệt dốt và bổ túc văn hoá" trong toàn tỉnh. Phong trào được Tỉnh uỷ trực tiếp lãnh đạo. Các ngành, các đoàn thể, các địa phương được phân công nhiệm vụ cụ thể và hăng hái hưởng ứng, tạo thành phong trào rộng khắp. Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh về căn bản đã xoá xong nạn mù chữ cho các xã vùng thấp ở các huyện Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, 9 xã của huyện Chợ Rã, 6 xã huyện Ngân Sơn. Riêng vùng cao việc xoá mù chữ được tiến hành từng bước, trước tiên là cho những người ít tuổi, để đến hết năm 1961 có thể căn bản xoá nạn mù chữ cho đồng bào các dân tộc.

Năm 1960, đối với cán bộ chủ chốt cấp uỷ, chính quyền, hợp tác xã đã được bổ túc văn hoá căn bản, học

xong chương trình lớp 4. Ở mỗi huyện đều mở trường hoặc lớp bổ túc văn hoá tập trung cho đối tượng này. Cán bộ các cơ quan, công nhân các xí nghiệp gần 100% đi học bổ túc văn hoá, một số ít học tập trung ở trường phổ thông lao động, còn phần lớn học buổi tối. Tỉnh đã mở trường văn hoá miền núi nhằm xoá nạn mù chữ và bổ túc văn hoá cho một số thanh niên nam nữ ở rẻo cao để về công tác ở địa phương[1]. Các hoạt động văn hoá như phát hành sách, thư viện, điện ảnh, sân khấu, bảo tồn bảo tàng... được đẩy mạnh và hướng vào phục vụ giáo dục chính trị tư tưởng, động viên sản xuất, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Trên lĩnh vực văn hoá bước đầu đã có ý thức giữ gìn bản sắc tinh hoa văn hoá của các dân tộc, kết hợp với những thành tựu văn hoá hiện đại, góp phần xây dựng đạo đức, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, khắc phục dần tàn dư tư tưởng, lối sống lạc hậu, mê tín dị đoan, đồi phong bại tục.

Công tác y tế, tính đến hết tháng 12-1960, toàn tỉnh đã có 63 trạm xá, 36 xã có quỹ dân lập đài thọ cho 123 y tá và nữ hộ sinh (mỗi cán bộ trung bình 1 tháng được 24 đồng bằng 2/3 lương tối thiểu lúc đó).

Tổng số y tá và nữ hộ sinh là 411 người, trong đó có nhiều người phục vụ ở vùng rẻo cao; 875 vệ sinh viên hoạt động tự nguyện, không có phụ cấp.

---

1. Theo Nghị quyết về việc tăng cường lãnh đạo công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá ngày 2-3-1960.

Tổng số túi thuốc xã, xóm là 553, thành tiền 13.265,44 đồng.

Nhờ có mạng lưới y tế mở rộng và đội ngũ cán bộ y tế tăng lên đáng kể nên công tác phòng chống sốt rét có chuyển biến rõ rệt.

Năm 1957, mới có 5 xã khá và 32 xã trung bình, còn lại là kém, thì đến cuối năm 1960 đã có 30 xã khá, 55 xã trung bình và 32 xã kém.

Công tác điều trị được tăng cường và mở rộng hơn. Bệnh viện tỉnh với trên 60 giường. Trong 3 năm 1958-1960 đã khám và phát thuốc cho trên 2 vạn người, điều trị tại bệnh viện 5.536 người, xét nghiệm cho 3.316 người, mổ đại phẫu cho 78 người, tiểu phẫu 142 người, 3 huyện có phòng đẻ khó, số người khám thai và đẻ ở trạm xá hoặc do nữ hộ sinh đỡ tăng lên, giảm số sản phụ và số trẻ sơ sinh tử vong[1].

Song song với các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị cũng được chú trọng. Tháng 3-1957, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương mở rộng ra Nghị quyết về "Tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng". Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã lãnh đạo tổ chức việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố dân quân, góp phần vào giữ

1. Theo Báo cáo số liệu tổng kết công tác y tế (1958-1960) của Ty Y tế Bắc Kạn số 62.

gìn trật tự trị an, làm trong sạch địa bàn.

Sau sửa sai, tình hình các địa phương trong tỉnh ổn định. Việc nhân dân tham gia các tổ đổi công, hợp tác xã làm ăn tập thể và đời sống văn hoá, kinh tế được cải thiện đã thúc đẩy phong trào mọi mặt trong tỉnh, trong đó có phong trào thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng hậu bị. Tuy nhiên một đặc điểm lớn của tỉnh Bắc Kạn là một tỉnh dân số ít, gồm nhiều thành phần dân tộc, ở xen kẽ, trình độ, phong tục tập quán có nhiều điểm khác nhau. Số quân nhân phục viên giải ngũ lên đến 2.353 người, đại đa số giữ được bản chất tốt đẹp của quân đội, là lực lượng có tác động tích cực đến phong trào chung và phong trào xây dựng lực lượng củng cố quốc phòng.

Năm 1959 là năm thực hiện nghĩa vụ quân sự đầu tiên của tỉnh. Quân khu giao cho tỉnh Bắc Kạn tuyển 250 tân binh để bổ sung cho các binh chủng trong quân khu, sư đoàn và bộ đội bảo vệ của tỉnh.

Tỉnh đã tổ chức học tập cho các cán bộ tỉnh, huyện. Huyện tổ chức học tập cho cán bộ xã và xã tổ chức cho toàn dân học tập. Cán bộ, nhân dân, nhất là thanh niên hưởng ứng thành phong trào vận động rộng rãi. Tuy nhiên một ít địa phương có một số bản ở rẻo cao (Ngân Sơn, Chợ Đồn), một số người Hoa ở Bản Ty (Chợ Đồn), Dài Khao (Chợ Rã)... cả một số cơ quan xung quanh tỉnh do học tập chưa đầy đủ nên nhận thức chưa sâu.

Kết quả số thanh niên đi khám tuyển khá đông (334 người) và tuyển được 254 tân binh, vượt chỉ tiêu của trên giao, đặc biệt trong đó có thanh niên nhiều dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Hoa.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân cũng được tỉnh phát động rầm rộ. Các đối tượng trong độ tuổi, nhất là thanh niên hưởng ứng sôi nổi, như huyện Na Rì đăng ký được 100% (thanh niên từ 18 đến 25 tuổi, quân nhân phục viên, xuất ngũ chuyển ngành tuổi đến 45, dân quân tự vệ dưới 40 tuổi). Sau khi đăng ký, huyện căn cứ vào lứa tuổi biên chế thành hai loại dân quân 1 và dân quân 2. Cả tỉnh có số đội viên dân quân là trên 5.000, đã biên chế được 540 tiểu đội, trong đó huyện Bạch Thông tổ chức được nhiều nhất đến 185 tiểu đội. Đối với các cán bộ từ tiểu đội trưởng trở lên, hàng năm tỉnh và huyện đều tổ chức tập huấn quân sự. Dân quân tự vệ hàng năm đều được tổ chức huấn luyện ở cơ sở. Công tác quân sự của tỉnh đã góp phần xây dựng lực lượng vũ trang của quân khu và cả nước, đồng thời có tác dụng thiết thực là một chỗ dựa của Đảng bộ và chính quyền bảo vệ trật tự trị an địa phương, đẩy mạnh các phong trào sản xuất, văn hoá xã hội, hoạt động của các đoàn thể, góp phần tiễu phỉ ở bắc Chợ Rã và làm trong sạch địa bàn[1].

---

1. Theo Báo cáo tổng kết công tác dân quân năm 1958 và Báo cáo tổng kết nghĩa vụ quân sự năm 1959 của Tỉnh đội Bắc Kạn.

Để kiện toàn bộ máy chính quyền, tháng 3-1959, các huyện và thị xã đã bầu cử hội đồng nhân dân các cấp. Thị xã Bắc Kạn được chọn làm điểm. Các cử tri toàn tỉnh hăng hái đi bầu cử thực hiện quyền làm chủ về chính trị của mình. Sau đó Hội đồng nhân dân cử ra Uỷ ban hành chính các cấp.

Sau ba năm thực hiện lãnh đạo nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế,văn hoá, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã có bước trưởng thành. Cán bộ, đảng viên được nâng cao giác ngộ chính trị, nhất trí với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn bó chặt chẽ với quần chúng thực hiện những nhiệm vụ của địa phương đơn vị mình. Các cấp uỷ Đảng thường xuyên quán triệt quan điểm, đường lối và sự chỉ đạo của Trung ương, cụ thể hoá thành chủ trương kế hoạch các mặt công tác của tỉnh.

Qua thực hiện lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng và qua sinh hoạt Đảng, đấu tranh tự phê bình và phê bình, mà các cấp bộ đảng, đảng viên trưởng thành, cơ quan lãnh đạo các cấp càng được củng cố, cơ sở Đảng phát triển và đội ngũ đảng viên cũng không ngừng tăng lên.

Đối chiếu với kế hoạch đề ra cho ba năm 1957-1959,

thì các chỉ tiêu hầu hết là không đạt. Nguyên nhân vì khâu kế hoạch không đánh giá đúng điều kiện và khả năng của tỉnh, tính toán chủ quan, nôn nóng và có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của trung ương. Tuy nhiên, sự phát triển của tỉnh trong ba năm là một bước tiến toàn diện chưa từng có, thể hiện lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, quyết tâm xây dựng quê hương theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn dắt.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

Sau thắng lợi của kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, văn hoá (1958-1960) ở miền Bắc và cuộc đấu tranh gian khổ giữ gìn lực lượng ở miền Nam, từ năm 1961, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam.

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội, "Đại hội lần này là đại hội xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà"[1].

Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đại hội xác định: *"Đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là: đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn và truyền thống phấn đấu anh dũng, lao động cần cù của nhân dân ta, đồng thời tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em do Liên Xô đứng đầu, để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới"*[2].

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ V họp (tháng 3-1961) đã ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của tỉnh là "nhằm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t. 10, tr. 198.
2. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam*, 1960, t.I, tr.78.

kịp vùng thấp, ra sức phát huy tinh thần đoàn kết, phấn đấu anh dũng và lao động cần cù của nhân dân các dân tộc. Trên cơ sở những thắng lợi đã giành được, khắc phục những khó khăn và khuyết điểm, đẩy mạnh thi đua tập trung lực lượng toàn Đảng, toàn dân phát triển sản xuất mà nhiệm vụ trung tâm là sản xuất nông nghiệp, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, do đó mà đẩy mạnh sản xuất nâng cao năng suất lao động, đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của Nhà nước và nhân dân". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới, đồng chí Nguyễn Việt Vinh được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Tỉnh uỷ quyết định thành lập "Tiểu ban nghiên cứu xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) gồm 11 đồng chí do đồng chí Lê Thanh Bình, Thường vụ Tỉnh uỷ, Chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch tỉnh làm Trưởng ban.

Để thực hiện nghị quyết của Đại hội, hàng năm Tỉnh uỷ đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trên các mặt công tác của tỉnh.

Năm 1961, phương hướng nhiệm vụ của tỉnh là tích cực củng cố và phát triển hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất, lấy việc củng cố hợp tác xã về mọi mặt, mở rộng

quy mô hợp tác xã và phát triển sản xuất làm nhiệm vụ trung tâm. Đồng thời, đưa một phần hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao và tiếp tục đưa nông dân còn làm ăn riêng lẻ vào hợp tác xã, trên cơ sở đó mà động viên nông dân ra sức phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1961. Làm cho nông nghiệp thật sự là cơ sở cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, góp phần xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân thêm một bước.

Kế hoạch của tỉnh năm 1961 phải đưa năng suất lúa lên 2,310 tấn/ha. Tổng sản lượng cả lúa ruộng và lúa rẫy là 24.614 tấn, trong đó cao nhất là Bạch Thông rồi đến Ngân Sơn, Chợ Đồn...

Cuối năm 1961, Trung ương triệu tập hội nghị tổng kết tình hình và đề ra các chủ trương, giải pháp đẩy mạnh cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Căn cứ vào chủ trương của Trung ương, Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp bàn biện pháp triển khai ở tỉnh.

Đánh giá tình hình hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh cho thấy ở vùng cao, hợp tác xã phát triển còn yếu, mới có 35 hợp tác xã gồm 558 hộ, chiếm 32% số hộ vùng cao. Cán bộ vùng cao thiếu và trình độ yếu. Do đó, đối với vùng cao tạm ngừng phát triển để tập trung lực lượng củng cố tốt những hợp tác xã đã có; đẩy mạnh phát triển

tổ đổi công, hợp công để phát triển sản xuất, tạo điều kiện phát triển hợp tác xã. Thường vụ Tỉnh uỷ cũng chủ trương tạm ngừng công tác phát triển hợp tác xã hợp nhất toàn xã mà tuỳ từng nơi có đủ điều kiện thì phát triển mạnh mẽ hợp tác xã hợp nhất liên xóm hoặc liên thôn, chủ yếu hợp nhất ở bậc thấp, nếu đủ điều kiện thì đồng thời lên bậc cao nhưng phải được tỉnh duyệt. Những nơi chưa đủ điều kiện hợp nhất liên xóm, liên thôn thì tiến hành tổ chức liên hiệp nếu thấy cần thiết và phải được huyện duyệt[1].

Để động viên cán bộ, nhân dân toàn tỉnh phấn đấu đạt chỉ tiêu phát triển kinh tế, Uỷ ban hành chính tỉnh lập ra *Ban chỉ huy chiến dịch sản xuất* và phát động chiến dịch sản xuất "đèo Giàng anh dũng, đông - xuân đại thắng", rồi "Vượt gió Đại Phong, đông - xuân chiến thắng". Tỉnh đã cử 84 cán bộ các ngành của tỉnh, trong đó có tám tỉnh uỷ viên, uỷ viên Uỷ ban hành chính tỉnh về các địa phương kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ huyện, xã, lãnh đạo phong trào. Huyện cũng cử 117 cán bộ về các xã, cùng lãnh đạo xã chỉ đạo phong trào.

Chiến dịch sản xuất nông nghiệp diễn ra với khí thế sôi nổi, không những huy động được tất cả lao động chính mà cả các cụ già 70, 80 tuổi, các cháu thiếu nhi cũng hăng hái tham gia. Kết quả vụ đông - xuân 1961-1962 thu hoạch đạt và vượt chỉ tiêu. Các mặt công tác

1. Theo Nghị quyết Thường vụ Tỉnh uỷ họp ngày 6-11-1961.

phục vụ trực tiếp sản xuất lương thực như: thuỷ lợi, chăn nuôi, khai hoang cũng phát triển đồng bộ.

Cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm 1962, Tỉnh uỷ họp bàn phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch năm 1962 "Thực hiện bước đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng từng bước cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục đẩy mạnh củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới, tập trung phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, điều chỉnh một cách hiệu quả các mặt cân đối, bảo đảm tiếp tục phát triển kinh tế và văn hoá theo phương châm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Tỉnh uỷ đã đề ra những chỉ tiêu cụ thể phát triển kinh tế, văn hoá của tỉnh năm 1962.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp, nhu cầu điện năm 1962 cần 266.000 kw/h để phục vụ sản xuất, thuỷ lợi, ánh sáng, sử dụng máy phát điện, lớn nhất là 80 kw. Cải tiến kỹ thuật sản xuất cày 51, bừa răng sắt và các công cụ cầm tay khác.

Vốn xây dựng cơ bản năm 1962 là 1..250.000 đồng, trong đó đại bộ phận là xây dựng các công trình bán kiên cố hoặc tạm thời, chỉ khoảng 13% cho công trình kiên cố. Chế biến ép dầu thảo mộc 96 tấn, sản xuất đồ gỗ, bột giấy, đường phèn.

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính, tổng sản lượng lương thực đạt trên thực tế là 44.360 tấn. Riêng

lúa là 31.412 tấn. Bình quân đầu người về lương thực là 449,3 kg. Đây là năm được mùa, đạt sản lượng cao nhất từ trước đến lúc đó và cũng là năm đạt cao nhất trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Tỉnh đã thu thuế và thu mua được 4.800 tấn thóc, 500 tấn ngô, 100 tấn khoai, 30 tấn lạc...

Kế hoạch sản xuất năm 1963 đạt được: lúa năng suất bình quân 17,93 tạ/ha, tổng sản lượng 39.252 tấn, bình quân đầu người 387,8 kg. Như vậy do thời tiết không thuận lợi nên chỉ tiêu lương thực cả tổng sản lượng, cả bình quân nhân khẩu đều kém năm 1962. Chăn nuôi trâu đạt 35.000 con, bò là 2.329 con, lợn 52.670 con, gia cầm đạt 391.565 con. Tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp đạt là 3.950.000 đồng.

Công tác văn hoá, giáo dục phải nắm vững phương châm "bỏ ít tiền mà làm được nhiều việc", tránh phô trương hình thức. Là một tỉnh giáo dục chưa phát triển nên tỉnh coi nhiệm vụ bổ túc văn hoá và thanh toán nạn mù chữ là trung tâm, nhất là với cán bộ, công nhân viên, cán bộ, chủ chốt xã và hợp tác xã, thanh niên các dân tộc. Năm 1962, phải hoàn thành về căn bản công tác thanh toán mù chữ đối với vùng thấp. Ở vùng cao thanh toán xong về căn bản cho đối tượng chủ chốt là cán bộ xã, xóm, thôn và thanh niên. Chỉ tiêu phấn đấu thanh toán mù chữ 3.000 người, trong đó vùng cao là 1.200 người. Trong công tác bổ túc văn hoá thì bổ túc tại chức vẫn là biện pháp hàng đầu. Cấp I huy động 11.700

người theo học, cấp II, 830 người và cấp III huy động 110 người. Về bổ túc văn hoá tỉnh mở lớp tập trung cho cán bộ huyện chưa học hết cấp I và cán bộ xã. Chỉ tiêu chiêu sinh cán bộ cấp xã 585 người, cán bộ huyện 120 người.

Phát động phong trào văn hoá quần chúng rộng rãi, đồng thời bồi dưỡng về tư tưởng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hoá để tạo điều kiện làm tốt văn hoá văn nghệ của dân tộc. Y tế lấy phòng bệnh làm chính, thực hiện tốt Đông Tây y kết hợp.

Về công tác xây dựng lực lượng hậu bị và nghĩa vụ quân sự, đến đầu năm 1962, tỉnh đã hoàn thành thống kê dân quân tự vệ và đăng ký quân dự bị. Việc huấn luyện nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật cho dân quân tự vệ được coi là một nhiệm vụ trung tâm của việc xây dựng lực lượng hậu bị, trong đó các đối tượng được bồi dưỡng tập trung là xã đội 95,2% trung đội 78,3%, tiểu giáo viên 53,42%.

Kế hoạch giữ gìn trị an, sẵn sàng chiến đấu bao gồm kế hoạch nắm tình hình địch, kế hoạch phòng thủ, kế hoạch trị an chống biệt kích... được xây dựng từ tỉnh, huyện đến xã.

Về nắm tình hình địch, tỉnh Bắc Kạn cùng các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên hàng tháng hoặc đột xuất họp để trao đổi tình hình về quản lý vùng giáp ranh, kế hoạch ứng phó với

mọi tình huống. Các địa phương đã chủ động quản lý, theo dõi các phần tử có nghi vấn về hoạt động chống đối và các đối tượng xấu. Kế hoạch phòng thủ cấp tỉnh, huyện đã được xây dựng, các xã xung yếu cũng đã có kế hoạch phòng thủ và được phê duyệt, trong đó có chuẩn bị chỉ huy sở, đơn vị quân báo, tổ chức quân báo nhân dân, trinh sát, thông tin. Các ngành cũng được tỉnh giao trách nhiệm chuẩn bị phục vụ nhiệm vụ quân sự...

Do các hoạt động do thám bằng máy bay của địch ngày càng tăng, nên Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã chỉ thị cho các huyện, các xã, các cơ quan, xí nghiệp và lực lượng vũ trang ở các địa phương phải đặt công tác đề phòng âm mưu phá hoại của địch thành một trong những mặt công tác được chú ý thường xuyên.

Lực lượng vũ trang được huấn luyện, diễn tập các phương án sẵn sàng chiến đấu. Công tác phòng không nhân dân được triển khai cụ thể, tích cực. Mạng lưới thông tin, trạm quan sát máy bay, báo động chiến đấu, các tổ săn máy bay được xây dựng ở những vùng trọng điểm như thị xã, thị trấn, các trục đường giao thông và khu đông dân cư.

Với tinh thần cảnh giác cao và các phương án chiến đấu sát thực tế, lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Bạch Thông có sự chi viện lực lượng của bộ đội và công an tỉnh nên từ đêm 4-9 đến ngày 7-9 năm 1963 đã truy lùng, diệt và bắt sống gọn toán biệt kích của ngụy quyền

Sài Gòn gồm 5 tên, nhảy dù xuống cánh đồng Na Hái, Na Phái, ngăn chặn được mọi âm mưu xây dựng cơ sở phản động ở vùng cao, kích động nhân dân chống chế độ, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và thu thập tin tức tình báo của chúng[1]. Có thể nói đây là một trong những toán biệt kích đầu tiên Mỹ- ngụy thả dù xuống miền Bắc. Chiến công này của quân dân Bắc Kạn chứng tỏ Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn quán triệt sâu sắc đường lối của Trung ương Đảng vừa xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai bán nước.

Trước yêu cầu phát triển của địa phương trong tình hình mới, từ ngày 7 đến ngày 13 - 8 - 1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI tỉnh Bắc Kạn đã họp. Đại hội kiểm điểm đánh giá sự hoạt động toàn diện trong nhiệm kỳ đã qua, quyết định phương hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ thứ VI và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới gồm 18 uỷ viên, do đồng chí Nguyễn Việt Vinh làm Bí thư.

Nghị quyết của Đại hội đã nêu rõ "năm 1964 là năm quyết định cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm thắng lợi toàn diện mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ V của tỉnh đã đề ra, cũng là năm tạo cơ sở tốt cho việc xây

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975),* sđd, tr.165.

dựng kế hoạch 5 năm lần thứ hai sắp tới, cho nên phương hướng, nhiệm vụ mới của tỉnh là:

1. Tiếp tục tập trung sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

2. Chú trọng giải quyết quản lý kinh tế.

3. Tiếp tục bổ sung nhân lực cho nông nghiệp bằng cách thực hiện tốt kế hoạch tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi.

4. Phòng chống gián điệp, biệt kích và củng cố quốc phòng, trật tự trị an.

5. Ra sức xây dựng Đảng lớn mạnh.

Các nhiệm vụ cụ thể được đặt thành các chỉ tiêu phấn đấu như sau:

Về nông lâm nghiệp, tỉnh phấn đấu đưa giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1964 là 23.519.624 đồng, tăng 20,8% so với năm 1963, trong đó ngành trồng trọt tăng 24%, chăn nuôi tăng 25,8%, trồng cây gây rừng tăng 41,8%.

Về công nghiệp, thủ công nghiệp, phương hướng phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp năm 1964 của tỉnh là: "Một mặt chúng ta vừa ra sức củng cố và điều chỉnh sản xuất đối với các cơ sở sẵn có cho phù hợp với nhu cầu, đồng thời vừa tiếp tục mở rộng sản xuất và phát triển cơ sở đối với các sản phẩm có nhu cầu lớn. Trong quá trình phát triển công nghiệp địa phương, phải hết sức coi trọng vai trò thủ công nghiệp để hỗ trợ cho lực

lượng công nghiệp quốc phòng"... Năm 1964, phấn đấu đạt giá trị tổng sản lượng 6.412.000 đồng, trong đó công nghiệp quốc doanh chiếm 64,76%, công tư hợp doanh chiếm 0,09%, thủ công nghiệp chiếm 33,55%.

Về giao thông, vận tải và bưu điện, tỉnh tiếp tục khai thông đường Bắc Kạn - Na Rì, Chợ Rã - Ba Bể, tiếp tục khảo sát đường Chợ Đồn - Bản Ty, Chợ Rã - Pác Nặm; tăng cường lực lượng ô tô vận chuyển đường dài, bảo đảm nhu cầu vận tải trong năm 1.461.180 tấn/km, tăng 34% so với năm 1963.Bưu điện tăng khối lượng 8% so với năm 1963.

Về xây dựng cơ bản, tỉnh đầu tư cho nông nghiệp 240.700 đồng chủ yếu là công trình thuỷ lợi, cho công nghiệp 167.000 đồng, trong đó có xây dựng điện ở thị xã, Ngân Sơn, Chợ Rã, xưởng cưa, xưởng bột giấy, xí nghiệp kem, nước đá; cho giao thông vận tải 875.000 đồng; y tế 164.000 đồng; giáo dục 25.000 đồng để xây trường sở; công trình công cộng 39.000 đồng.

Về thương nghiệp, phương hướng chung là: Tăng cường thu mua nắm nguồn hàng, nhất là thu mua nông sản nằm trong tay nhà nước để nhà nước có điều kiện sử dụng một cách có lợi nhất cho sự phát triển của nền kinh tế. Đặt chỉ tiêu thu mua và phân phối lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ phẩm, thu mua cây công nghiệp, xuất khẩu.

Về văn hoá giáo dục, bổ sung sách báo cho các thư

viện, xuất bản thơ ca địa phương, phát hành sách báo; xây dựng nhà bảo tàng, các câu lạc bộ dân lập, rạp chiếu bóng. Tiếp tục thanh toán nạn mù chữ ở vùng cao và đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hoá, xây dựng cơ sở trường lớp..., chú ý nâng cao chất lượng giảng dạy. Năm 1963, Bắc Kạn được Chính phủ công nhận là tỉnh đã thanh toán nạn mù chữ với tỷ lệ 92%.

Nhiệm vụ y tế vẫn quán triệt phương châm phòng bệnh là chính, đi đôi với tăng cường cán bộ và cơ sở y tế, điều trị bệnh. Đẩy mạnh hoạt động chống sốt rét, chống lao, kết hợp chặt chẽ Đông Tây y.

Về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết của Đại hội nêu rõ phải đẩy mạnh phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt, phấn đấu không còn chi bộ kém ở các cơ quan, giảm số chi bộ kém ở nông thôn..., nâng số đảng viên khá lên 59%, phát triển 1000 đến 1100 đảng viên. Chú trọng phát triển vào nơi ít đảng viên, vào dân tộc ít người và phụ nữ, các công trường, lâm trường, xí nghiệp.

Như vậy nghị quyết của Đại hội đã bao quát tất cả các mặt hoạt động của tỉnh, trong đó có phương hướng chung và các chỉ tiêu cụ thể.

Sau Đại hội, Tỉnh uỷ và đảng bộ các cấp trong toàn tỉnh đã căn cứ vào tình hình cụ thể để vạch ra các biện pháp và động viên cán bộ và nhân dân trong toàn tỉnh tích cực thi đua để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đã thông qua. Cùng với nhân dân trên

toàn miền Bắc, nhân dân Bắc Kạn đã sôi nổi thi đua thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị chính trị đặc biệt ngày 27-3-1964 "mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt".

Năm 1964, sản xuất nông, lâm nghiệp và chăn nuôi đạt giá trị tổng sản lượng 22.286.316 đồng, bằng 114,7% so với năm 1963.

Về hợp tác xã, đến cuối 1964, toàn tỉnh đã có 455 hợp tác xã, với tổng số 13.280 hộ, chiếm 82,24% tổng số hộ nông dân, trong đó hợp tác xã bậc cao là 128, bậc thấp là 327, quy mô chủ yếu là từ 30 hộ trở xuống (66,80%). Nhiều hợp tác xã điển hình toàn diện hoặc từng mặt đã xuất hiện như hợp tác Nà Xe và hợp tác xã Bản Cháy, huyện Bạch Thông, v.v..

Thực hiện chủ trương phân bố lại dân cư của nhà nước, tỉnh đã tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi trong năm là 426 hộ với 3166 nhân khẩu.

Năm 1964 đã vận động được 635 hộ đồng bào định canh,định cư . Khai hoang được 668,4 bung, phục hoá ở hai huyện Bạch Thông, Na Rì được 136,8 bung.

Bắc Kạn là một trong những địa phương có ngành công nghiệp phát triển thấp nhưng kết quả thực hiện kế hoạch cũng đã có bước phát triển. Giá trị tổng sản lượng toàn ngành được 4.464.584 đồng, tuy so với kế hoạch

đặt ra chỉ đạt 79,28%, so với năm 1963 bằng 113,1%. Đáng chú ý, về cơ cấu thì công nghiệp quốc doanh chiếm 54,59%, trong đó có những ngành kinh tế chủ yếu như: điện, cơ khí, bột giấy... Công tư hợp doanh chỉ có 0,63%, đó là xí nghiệp in và hai cửa hàng may mặc. Thủ công nghiệp chiếm 44,78% giá trị tổng sản lượng. Về xây dựng cơ bản, năm 1964 gặp nhiều khó khăn về nguyên vật liệu, về đồ án thiết kế, địa điểm thi công... Tốc độ xây dựng chuyển biến chậm, một số công trình trọng điểm không hoàn thành kế hoạch, nhưng tổng mức đầu tư đã thực hiện được 1.873.081 đồng đạt 94,36% kế hoạch, bằng 122,36% năm 1963, trong đó ngân sách Trung ương cấp chiếm 54,36%, ngân sách địa phương có 45,64%. Đáng chú ý là vốn đầu tư địa phương tăng rất ít. Số vốn đầu tư tăng chủ yếu là do ngân sách Trung ương và tập trung vào ba công trình giao thông là Bắc Kạn - Na Rì, Bắc Kạn - Chợ Đồn, Chợ Rã - Ba Bể.

Về thương nghiệp, vật giá, hầu hết các mặt hàng thu mua và bán ra đều vượt kế hoạch và tăng hơn năm 1963, nhưng riêng lương thực (cả lúa, ngô, sắn, khoai) so với năm 1963 có tăng 163,3% nhưng so với kế hoạch 1964 thì mới đạt 83,79%.

Sự nghiệp văn hoá xã hội, tiếp tục phát triển cuộc vận động số người còn mù chữ đến lớp học, năm 1964 có thêm gần 1000 người đã được xoá mù chữ. Công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân được tiếp tục phát

triển, đã thu hút hàng nghìn học viên. Theo số liệu khai giảng niên khoá 1964-1965, số học sinh phổ thông kể cả mẫu giáo, vỡ lòng, cấp I, II, III là 21.227 em, gồm 948 lớp. Đáng quan tâm là tỷ lệ lớp vỡ lòng so với lớp cấp I còn thấp; nữ sinh so với nam càng lên cao càng thấp (cấp I: 48,10% nữ; cấp II; 32,55%, cấp III chỉ còn 19,21%[1]. Phong trào thi đua dạy tốt và học tốt được thầy và trò tích cực hưởng ứng đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Năng lực giáo viên có tiến bộ rõ rệt.

Cả tỉnh đã có 106 trạm xá, trong đó khoảng một nửa hoạt động khá. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, tiêm phòng... phát triển và đi dần vào nền nếp.

Năm 1964, với kế hoạch Giônxơn - Mắc Namara, đế quốc Mỹ và tay sai đẩy mạnh cuộc "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam lên cao và ra sức phá hoại miền Bắc. Ngoài các hình thức phao tin đồn nhảm, gây chiến tranh tâm lý, nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa, Mỹ - ngụy đã đưa máy bay do thám, ném bom bắn phá miền Bắc. Máy bay địch đã nhiều lần bay qua Bắc Kạn. Năm 1964, ta đã phát hiện 11 lần máy bay địch qua và 4 lần địch thả truyền đơn. Kế hoạch đề phòng, ứng phó với mọi tình huống hoạt động của địch đã được triển khai kịp thời khẩn trương. Tỉnh đã xác định các địa bàn trọng điểm, phối hợp với các ngành hữu quan nắm tình hình chặt

1. Theo Báo cáo tổng kết công tác năm 1964 của Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Kạn.

chẽ, giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ và nhân dân. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vượt 5,93% chỉ tiêu số lượng và hoàn thành huấn luyện có chất lượng. Công tác phòng không nhân dân được các ngành, các cấp nhất là các thị trấn, các khu vực đông dân như thị xã Bắc Kạn, thị trấn Phủ Thông, Chợ Mới, Sáu Hai, v.v.. Các đội cứu thương, phòng cháy, chữa cháy được thành lập. Mạng lưới thông tin, trạm quan sát máy bay, báo động được xây dựng ở nhiều nơi. Sự chuẩn bị về tinh thần và vật chất, vũ khí và phương tiện chiến đấu để chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai được thực hiện khẩn trương.

Bước vào năm 1965, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu, nhất là yêu cầu nhiệm vụ năm cuối cùng thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngày 12 - 3 - 1965, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn ra Nghị quyết 36 về phương hướng và nhiệm vụ năm 1965.

Về phương hướng chung, nghị quyết nhấn mạnh hai điểm:

"Năm 1965 là năm quyết định kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và cũng là tạo cơ sở để bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Do đó năm 1965 có vị trí đặc biệt quan trọng, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm đã đề ra".

"Một điều quan trọng khác là: việc thực hiện kế

hoạch năm 1965 chúng ta đặt trong tình thế: miền Bắc vẫn giữ vững được hoà bình xây dựng, tạo cơ sở cho cuộc cách mạng miền Nam tiến lên một bước mới và to lớn hơn; nhưng chúng ta cũng thấy là âm mưu của đế quốc Mỹ ngày càng điên cuồng liều lĩnh. Vì vậy các mặt công tác năm 1965 phải quan tâm đầy đủ hơn đến việc tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an để bất kỳ trong tình thế nào chúng ta cũng vững vàng, chủ động"[1].

Nghị quyết cũng chỉ ra nhiệm vụ cụ thể về các mặt hoạt động kinh tế - xã hội.

Đặc biệt do yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, hội nghị Tỉnh uỷ đã thông qua một nghị quyết chuyên đề số 35 NQ/BK về *Công tác quân sự địa phương*. Phương hướng chung của nghị quyết là:

"Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất phát triển, bảo đảm hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu sản xuất năm 1965, tiếp tục xây dựng hợp tác vững mạnh. Đồng thời tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong tỉnh, tăng cường công tác phòng thủ về mọi mặt. Xây dựng, củng cố hậu phương, củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, nhằm đảm bảo cho các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu và sản xuất".

Tăng cường công tác phòng thủ tác chiến, trị an, sẵn

---

1. Xem Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn số 36 NQ/BK ngày 12-3-1965.

sàng chiến đấu và phòng không nhân dân bảo đảm tiêu diệt các toán gián điệp, biệt kích lớn nhỏ của địch và bọn nổi loạn ở địa phương, tổ chức động viên các lực lượng vũ trang, bán vũ trang trong tỉnh với khả năng trang bị của mình, tích cực bắn máy bay địch, đồng thời bảo đảm an toàn cho máy bay của ta, bảo vệ các mục tiêu quan trọng trong tỉnh, đảm bảo giảm mức thiệt hại ít nhất khi có máy bay bắn phá.

Chú trọng đẩy mạnh tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm, bảo đảm các chỉ tiêu của cấp trên giao. Quản lý tốt cơ sở vật chất trang thiết bị nhằm bảo đảm cho nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm nâng cao đời sống tinh thần, vật chất và sức khoẻ của bộ đội, tích cực chống lãng phí, tham ô.

Nghị quyết còn xác định những nhiệm vụ, chỉ tiêu các mặt công tác cụ thể như vận động đảng viên, đoàn viên, quân nhân xuất ngũ có đủ điều kiện tham gia dân quân tự vệ 100%; đăng ký và quản lý lực lượng hậu bị 100%; đảm bảo số lượng và chất lượng tuyển quân; tổ chức huấn luyện diễn tập theo phương án sẵn sàng chiến đấu.

Củng cố khối đoàn kết dân tộc, giúp đỡ nhau giữa vùng cao và vùng thấp, giữa đồng bào miền xuôi với đồng bào địa phương; chấn chỉnh kiện toàn tổ chức và cách thức hoạt động của Mặt trận từ tỉnh đến xã, đẩy mạnh các hoạt động của hội phụ nữ, đoàn thanh niên và công đoàn.

Nghị quyết cũng đề ra yêu cầu đẩy mạnh hơn nữa công tác củng cố và phát triển đoàn, phát huy vai trò đoàn thanh niên xung kích trong các phong trào ở địa phương.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục, nâng cao tính giai cấp, tính tiền phong, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, kỷ luật để cán bộ, đảng viên có khả năng lãnh đạo và quản lý kinh tế, kỹ thuật, nhất là nông thôn và công trường, lâm trường.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, sắp xếp tổ chức Đảng cho phù hợp với sự lãnh đạo trong tình hình mới. Phát huy phong trào xây dựng chi bộ bốn tốt, phấn đấu xoá chi bộ kém trong năm 1965.

Công tác kiểm tra, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, công tác dân tộc đều có kế hoạch cụ thể, đẩy lên một bước.

Đây là nghị quyết lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong tỉnh nhằm hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã khắc phục những khó khăn của một tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, kinh tế phát triển thấp, nỗ lực phấn đấu vươn lên với tinh thần mỗi người làm việc bằng hai, nên đã giành được những thắng lợi cơ bản việc thực hiện kế hoạch năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Nhìn chung trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1961 - 1965), Đảng bộ Bắc Kạn đã quán triệt đường lối và chủ trương của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị

và hướng theo những phương hướng, chỉ tiêu phát triển mọi mặt của Nhà nước. Đại hội Đảng bộ lần thứ V (1961), lần thứ VI (1963) đều ra nghị quyết lãnh đạo phát triển toàn diện của tỉnh. Hàng năm, các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch phát triển từng lĩnh vực của tỉnh đều rất cụ thể, phù hợp với những thế mạnh về nông - lâm nghiệp của tỉnh, góp phần hạn chế những khó khăn do các điều kiện lịch sử ở địa phương. Nhờ đó đến năm 1965 tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá... của Bắc Kạn đã có bước phát triển đáng kể. Phần lớn các chỉ tiêu kinh tế đều tăng trưởng; đời sống vật chất và văn hoá của các dân tộc trong tỉnh được nâng lên một bước, nhất là giáo dục, y tế, văn hoá. Tình hình chính trị ổn định, quốc phòng được chú trọng. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng bộc lộ một số hạn chế đó là: sự vận dụng chủ trương, đường lối, kế hoạch của Trung ương và Chính phủ vào tình hình thực tiễn để tìm ra chủ trương, kế hoạch của tỉnh còn lúng túng, thiếu sáng tạo, tốc độ tăng trưởng thấp, có những chỉ tiêu chỉ bằng hoặc thấp hơn trước, đời sống đồng bào còn nhiều khó khăn. Tỉnh chưa thoát khỏi là tỉnh nghèo và kém phát triển so với các tỉnh khác trong cả nước.

Chương II

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI,GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1965-1975)

Năm 1965 chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam bị thất bại. Với bản chất hiếu chiến, ngoan cố, quyết chiếm giữ miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam và mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới.

Tháng 1 - 1965, Hội đồng Quốc phòng họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, quyết định nhiệm vụ mới của miền Bắc là tăng cường công tác phòng thủ, trị an và sẵn sàng chiến đấu; ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh; tích cực xây dựng và củng cố miền Bắc về mọi mặt.

Từ ngày 25 đến ngày 27 - 3 - 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 (khoá III) về tình hình và nhiệm vụ cấp bách. Hội nghị nhận định đế

quốc Mỹ sẽ đẩy mạnh chiến tranh, bao gồm cả việc tăng cường bắn phá miền Bắc ác liệt hơn, "tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hoà bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền".... Nhiệm vụ của quân và dân ta trên miền Bắc lúc này là:

- Xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn vững chắc của cách mạng miền Nam, đồng thời đảm bảo đời sống cho nhân dân và đáp ứng nhu cầu hậu cần tại chỗ.

- Trực tiếp chiến đấu đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

- Chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

Từ ngày 21 đến ngày 26 tháng 12 năm 1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (khoá III) xác định nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, 12 thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, đồng thời chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của cả nước.

Ngày 21 - 4 - 1965, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Ngày 4-6-1965, Hội nghị hợp nhất hai tỉnh được tiến hành. Từ đây tỉnh Bắc Thái trở thành một tỉnh lớn, trung tâm và cửa ngõ của Việt Bắc. Tỉnh Bắc Thái có diện tích 8.600 km^2 và dân số khoảng 60 vạn người với chín dân tộc anh em.

Trong tỉnh mới, có 6 huyện, thị thuộc Bắc Kạn cũ: Chợ Rã, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Bạch Thông, Na Rì và thị xã Bắc Kạn. Đến ngày 25 - 7 -1967, Chính phủ quyết định sáp nhập thị xã Bắc Kạn vào huyện Bạch Thông, thị xã Bắc Kạn trở thành huyện lỵ Bạch Thông.

Trước tình hình cả nước có chiến tranh, cả dân tộc đặt nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước lên hàng đầu. Bắc Thái có vị trí quan trọng nằm trong căn cứ địa "hậu phương lớn" của "tiền tuyến lớn miền Nam". Nhiệm vụ nặng nề đặt ra trước Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái là vừa đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam, ổn định đời sống đồng bào các dân tộc, phát triển kinh tế-xã hội.

I. CHUYỂN HƯỚNG LÃNH ĐẠO TỪ THỜI BÌNH SANG THỜI CHIẾN

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái mở rộng họp sau ngày hợp nhất hai tỉnh đã xác định

phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trước tình hình mới cả nước có chiến tranh và nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam đòi hỏi ngày càng cao.

Thái Nguyên, Bắc Kạn vốn là hai tỉnh giàu truyền thống cách mạng, các dân tộc anh em từ lâu đời đã đoàn kết, lao động cần cù phát triển đời sống, xây dựng quê hương làng bản. Hợp nhất thành một tỉnh mới, đất đai rộng lớn, dân cư đông hơn, nhiệm vụ chung cũng nặng nề hơn. Đảng bộ phải kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu và chủ động giải quyết những vấn đề mới đặt ra nhằm tạo nên sức mạnh to lớn hơn cùng nhân dân các dân tộc hai tỉnh Kon Tum, Khánh Hoà kết nghĩa góp phần cùng nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Hội nghị Đảng bộ tỉnh đã xác định đặc điểm của địa phương để đề ra các chủ trương phát triển kinh tế. Bắc Thái là một tỉnh có địa hình nửa trung du, nửa miền núi, hình thành ba vùng: vùng trung du, vùng thấp và vùng cao. Giữa ba vùng có sự khác biệt về mật độ dân số, thành phần dân tộc, phong tục tập quán, địa lý và tài nguyên. Bắc Thái có nguồn tài nguyên phong phú, điểm mạnh về kinh tế của tỉnh là lâm sản và khoáng sản, là ưu thế về cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Trên địa bàn Bắc Thái, lại có nhiều công trình công nghiệp của Trung ương, trong đó có những công trình lớn như khu gang thép Thái Nguyên, có nhiều tác

dụng thu hút lao động, tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp, hỗ trợ và thúc đẩy trực tiếp các ngành kinh tế địa phương, trước hết là công nghiệp nhẹ, tạo điều kiện phát triển giao thông vận tải, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục...

Đặc điểm này cần quán triệt trong các ngành, các cấp để phát huy được ưu thế, hạn chế, khắc phục những khó khăn, có chủ trương đúng nhằm xây dựng Bắc Thái thành một tỉnh giàu về kinh tế, đáp ứng nhu cầu từng bước cải thiện đời sống nhân dân, sự phát triển toàn diện của tỉnh và đóng góp với cả nước chi viện cho chiến trường miền Nam.

Về mặt quân sự, tỉnh Bắc Thái ở sâu trong hậu phương miền Bắc nhưng có vị trí quan trọng, có đường giao thông huyết mạch, có thành phố và công trình công nghiệp lớn nên kẻ địch sẽ tập trung đánh phá. Tỉnh lại có chiều dài 150 km, địa hình hiểm trở, giao thông vận tải khó khăn, thông tin liên lạc hạn chế nên công tác quân sự phải vừa chú trọng tổ chức huấn luyện ở cơ sở, vừa bảo đảm chỉ đạo, chỉ huy thống nhất, kịp thời trong mọi tình huống.

Về mặt chính trị - xã hội, Tỉnh uỷ nhận rõ trên địa bàn Bắc Thái có nhiều dân tộc chung sống, vấn đề dân tộc cần được Đảng bộ các cấp đặc biệt quan tâm, vận dụng chính sách dân tộc của Đảng, nhằm đoàn kết đồng bào các dân tộc đa số cũng như thiểu số, vùng thấp hoặc

vùng cao chung quanh Đảng bộ từng cấp, tạo nên sức mạnh trong từng địa phương và toàn tỉnh. Mỗi cán bộ, đảng viên phải quán triệt quan điểm của Đảng về đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng quốc gia là vấn đề chiến lược của cách mạng, một mặt phải chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào, nhất là vùng sâu, vùng xa nhiều khó khăn, mặt khác động viên ý thức trách nhiệm chung, hăng hái đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1965 là năm đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của nhân dân miền Bắc nói chung cũng như nhân dân Bắc Thái nói riêng.

Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 về *tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt,* để toàn Đảng, toàn dân quán triệt tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng.

Từ tình hình, nhiệm vụ chung của miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái xác định yêu cầu cấp bách là phải *kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng* để góp phần thực hiện nhiệm vụ của miền Bắc trong tình hình mới là: kịp thời đáp ứng yêu cầu chống chiến tranh phá hoại, bảo vệ miền Bắc, sẵn sàng đối phó với tình huống địch mở rộng chiến tranh ở bất cứ quy mô, mức độ nào trên cả hai miền Nam Bắc; đáp ứng yêu

cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới; đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

II. TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG THỜI CHIẾN

Từ mùa hè năm 1965, miền Bắc chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội từ thời bình sang thời chiến,Đảng ta đã chỉ rõ nhiệm vụ cấp thiết lúc này là: "Phải tích cực xây dựng và phát triển kinh tế *theo từng vùng chiến lược quan trọng,* làm cho mỗi vùng có khả năng tự giải quyết phần lớn nhu cầu ăn, mặc, ở, học, bảo vệ sức khoẻ, tiêu dùng thiết yếu, phục vụ sản xuất, xây dựng và chiến đấu"[1].

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thi đua mỗi người làm việc bằng hai, kiên quyết vượt mọi khó khăn, ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam"[2], phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" sôi nổi khắp các tầng lớp nhân dân. Giai cấp công nhân thực hiện khẩu hiệu "tay búa, tay súng", giai cấp nông dân thực hiện khẩu hiệu "tay cày, tay súng", thanh niên thi đua "ba sẵn sàng", phụ

---

1. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985 , t. I, tr. 221.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,sđd. t. 11, tr 434.

nữ thi đua "ba đảm đang"...

Vừa hợp nhất tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái thực hiện ngay chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 11 của Trung ương Đảng.

Về mặt *kinh tế*, Bắc Thái dựa vào *nông nghiệp* là chính. Tỉnh uỷ xác định phương hướng sản xuất nông nghiệp là "Tích cực đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng vụ; tiếp tục đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích và phát triển nhiều ngành nghề khác..., tăng cường khối lượng lương thực, thực phẩm, bảo đảm cung cấp cho nhân dân và đáp ứng yêu cầu của Nhà nước".

Nằm trong địa bàn của tỉnh Bắc Thái, về mặt kinh tế, sáu huyện thuộc Bắc Kạn cũ có đặc điểm đều thuộc vùng cao, có nguồn tài nguyên rừng phong phú với gỗ quý, tre, nứa, vầu, lá cọ, sa nhân.... nhiều loại cây lương thực, cây nông nghiệp và chăn nuôi trâu, bò, ngựa phát triển.

Thực hiện chỉ thị về nhiệm vụ sản xuất của Chính phủ "năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt", Đảng bộ các cấp lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn do nạn sâu bệnh và hạn hán cuối năm 1965, đầu năm 1966, giữ vững sản xuất và đời sống. Từ năm 1966, các huyện tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất lúa như chuẩn bị giống tốt, phân đủ và gieo trồng

đúng thời vụ. Các huyện đã đưa hàng chục tấn giống lúa Khê Nam lùn, Mộc Tuyền cho năng suất cao vào gieo cấy, đồng thời đẩy mạnh trồng màu, trồng rau xanh phục vụ đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu chiến đấu. Phòng nông nghiệp các huyện còn mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăm bón, phòng trừ sâu bệnh cho các cán bộ kỹ thuật trong các hợp tác xã, hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh. Vấn đề thuỷ lợi phục vụ gieo trồng ở các huyện vùng cao là một khó khăn thử thách. Mỗi huyện đã huy động hàng vạn ngày công xây dựng công trình thuỷ lợi như xây dựng hồ, đào mới và nạo vét sửa chữa mương phai... như huyện Bạch Thông năm 1967 đã huy động 12.932 ngày công, xây dựng hồ Khuổi Chạm, Khuổi Luông (Huyền Tụng), Khuổi Chanh (Tân Tiến)...[1] Nhờ các biện pháp kỹ thuật được đẩy mạnh nên năng suất lúa tăng lên đáng kể.

Nếu như năm 1965 khó khăn lớn nhất trong nông nghiệp Bắc Thái là sâu bệnh và hạn hán trên diện rộng, nhất là nạn hạn hán ở các huyện vùng cao, thì sang năm 1966, 1967 khó khăn do cả thiên tai và địch hoạ. Từ cuối năm 1965 sang năm 1966 và năm 1967, giặc Mỹ tăng cường ném bom, bắn phá miền Bắc, trong đó trục Quốc lộ số 3 thường xuyên bị đánh phá, ruộng đồng bị tàn phá, trâu bò bị sát hại, sức lao động cũng bị phân

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, sđd, tr.180.

tán phục vụ nhiệm vụ quân sự.

Những khó khăn to lớn do thiên tai và địch đánh phá, lại mới chuyển sản xuất và sinh hoạt sang trạng thái thời chiến nên năm 1965 tổng sản lượng lương thực mới đạt 175.262 tấn, bình quân đầu người chỉ đạt 343 kg, không những không đạt kế hoạch mà còn giảm hơn so với năm 1964.

Sang năm 1967, nhờ rút kinh nghiệm chống thiên tai, địch hoạ tốt hơn, nhờ ý chí quyết chiến quyết thắng, tinh thần lao động hăng say, sáng tạo và áp dụng các biện pháp kỹ thuật nên đến năm 1967 là năm địch đưa chiến tranh phá hoại lên mức cao nhưng tỉnh vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất lương thực. So với năm 1966, tổng sản lượng lương thực tăng 7,3%, năng suất đạt 4 tấn/ha. Các huyện thuộc Bắc Kạn cũ đã góp thành tích trong bảng thành tích chung. Trong đó Na Rì là một trong bốn huyện thị được tuyên dương trong sổ vàng thành tích của tỉnh. Huyện Bạch Thông cũng là huyện có phong trào sản xuất khá, đạt sản lượng loại cao trong tỉnh.

Tuy nhiên, Tỉnh uỷ cũng chỉ ra rằng lãnh đạo sản xuất nông nghiệp còn nhiều mặt yếu kém cần được khắc phục trong những năm tới:

- Một số huyện chưa nắm chắc ngọn cờ thâm canh theo đặc điểm của địa phương mình, còn nặng về đôn đốc tiến độ chung chung, thiếu biện pháp cụ thể, nhất là

khâu kỹ thuật.

- Thuỷ lợi là hàng đầu nhưng phong trào chưa đều khắp. Còn hiện tượng ỷ lại vào nhà nước, tư tưởng quy mô lớn, lãng phí nhiều, hiệu quả kinh tế thấp.

- Các ngành chuyên môn của tỉnh chưa thật chuyển biến tập trung vào phục vụ nông nghiệp kịp thời và có hiệu quả.

Chăn nuôi là thế mạnh sẵn có ở các huyện thuộc Bắc Kạn cũ, nhất là đàn trâu. Đây là vốn quý vừa dùng làm sức kéo trong nông nghiệp, vận tải, vừa cung cấp cho các tỉnh miền xuôi. Nhưng vì nông dân vẫn coi chăn nuôi là nghề phụ, nuôi theo tập quán cũ thả rông, chưa chú trọng đầu tư phát triển nên đàn gia súc, trong đó có đàn trâu không tăng, có nơi còn giảm sút. Đàn lợn nhiều địa phương vẫn tăng như ở Bạch Thông năm 1967 tăng 1,77% so với năm 1966.

Lâm nghiệp cũng là thế mạnh của các huyện miền núi. Nhưng vốn rừng mới chỉ được khai thác là chính, như khai thác gỗ vầu, nứa lá cung cấp cho các ngành, nhất là bộ đội và các địa phương để làm nhà ở dã ngoại, trực chiến, phòng không sơ tán... có ý nghĩa lớn phục vụ chiến đấu và đời sống. Xưởng trúc Bắc Kạn năm nào cũng đạt chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu. Việc trồng mới, tu bổ rừng còn rất hạn chế, một số hợp tác xã đã tổ chức những đội chuyên trách trồng và chăm sóc cây trồng có kết quả nhưng số này còn quá ít. Nạn du canh, du cư

của một số đồng bào vùng cao vẫn diễn ra. Nạn phá rừng làm nương còn phổ biến, cùng với bom đạn địch tàn phá nên diện tích rừng có xu hướng giảm dần.

Công nghiệp địa phương chủ yếu dựa vào các ngành nghề thủ công truyền thống nên không phát triển được. Trong những năm từ 1965 đến 1968, giá trị sản lượng công nghiệp của hầu hết các huyện đều không đạt kế hoạch. Tuy nhiên một số cơ sở công nghiệp cũ của tỉnh nhờ được trang bị kỹ thuật khá nên vẫn được phát huy như Xưởng cơ điện Bắc Kạn đã sản xuất nhiều nông cụ thường và nông cụ cải tiến cung cấp cho các huyện Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn.

Về mặt bảo đảm *giao thông vận tải* thời chiến, ngay từ khi đế quốc Mỹ bắt đầu gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, Tỉnh uỷ và các huyện uỷ đã quan tâm lãnh đạo phong trào "toàn Đảng, toàn dân làm giao thông vận tải". Các đội thanh niên xung phong bảo đảm giao thông được thành lập. Các huyện dọc tuyến Quốc lộ số 3 như Bạch Thông, Ngân Sơn đều có lực lượng thường trực bảo đảm giao thông do một đồng chí thường vụ huyện uỷ phụ trách. Chính trong thời kỳ này, Bắc Kạn đã xây dựng được hàng trăm kilômét đường mới.

Tốc độ *xây dựng cơ bản* trong những năm 1965 đến 1968 phát triển chậm, kể cả ở thị xã Bắc Kạn, do hoàn cảnh chiến tranh phá hoại và do chỉ đạo thực hiện thiếu kiểm tra đôn đốc chặt chẽ, biện pháp không cụ thể.

Ngành *thương nghiệp* trong điều kiện địch đánh phá giao thông vận tải gặp không ít khó khăn, phương tiện vận chuyển và kho tàng thiếu, nhưng tỉnh đã chỉ đạo thu mua, tổ chức gia công sản xuất hàng địa phương theo hướng tự cung tự cấp thích hợp với thời chiến. Mặt hàng phục vụ sản xuất chiến đấu được mở rộng hơn. Những mặt hàng thiết yếu không bị quá thiếu thốn.

Công tác *giáo dục* trong thời chiến vẫn được quan tâm, số trường lớp, số học sinh tiếp tục tăng.

Công tác *văn hoá thông tin* trong những năm 1965-1968 đã được cải tiến một bước cả về hình thức và nội dung cho phù hợp với hoàn cảnh thời chiến. Phong trào văn nghệ quần chúng sôi nổi ở các cơ quan xí nghiệp, công trường, hợp tác xã. Tuy nhiên có nơi chưa quan tâm đầy đủ phát triển văn hóa thông tin cho đồng bào các dân tộc ít người ở vùng cao.

Về *cải tạo xã hội chủ nghĩa* nông nghiệp, đến cuối năm 1967, cả tỉnh Bắc Thái có 1.079 hợp tác xã (trong đó trên 70% là bậc cao), chiếm khoảng 90% số hộ nông dân lao động, trong đó có địa phương đạt tỷ lệ cao như Bạch Thông đạt 94,36%. Cả tỉnh còn 8.304 hộ nông dân chưa vào hợp tác xã[1]. Trong thủ công nghiệp, tỉnh đã chú ý củng cố quan hệ sản xuất mới ở một số hợp tác xã cơ khí lớn, giúp đỡ các hợp tác xã thủ công nghiệp về

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975)*, sđd t. II, tr.117-118.

trang bị, vật tư... để ổn định sản xuất, phục vụ đời sống. Nhưng đối với các hộ thủ công cá thể thì chưa sử dụng và hướng dẫn họ sản xuất, nhiều địa phương chuyển hàng loạt thợ thủ công đi khai hoang hoặc làm lao động khác nên ảnh hưởng đến tinh thần tư tưởng của bà con và giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp giảm sút.

Nhìn lại từ năm 1965 đến 1968, các địa phương miền Bắc trong đó có các huyện, thị trấn của Bắc Kạn (cũ) đã chuyển hướng xây dựng kinh tế tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh phá hoại. Nhờ chủ trương đúng đắn, nhờ nhân dân cả tỉnh nỗ lực lao động sản xuất, đã bảo đảm ổn định sản xuất và đời sống. Một số mặt còn yếu kém, một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch, thậm chí giảm hơn so với năm 1965, nhưng một số mặt lại phát triển hơn như giá trị tổng sản lượng năm sau cao hơn năm trước, năng suất, sản lượng lương thực, công tác bảo đảm giao thông cũng vậy.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân của quân và dân ta ở miền Nam đã mở ra bước ngoặt lớn của chiến tranh, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ", đánh đòn quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Chính quyền Mỹ phải chủ trương "phi Mỹ hoá chiến tranh", chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam. Với miền Bắc, do bị thất bại nặng nề trong cuộc "chiến tranh phá hoại", ngày 1 -11-1968, Giônxơn tuyên bố chấm dứt hoàn toàn

việc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chấp nhận họp Hội nghị Pari để giải quyết cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Trước tình hình mới, Hội nghị lần thứ 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) chỉ rõ *nhiệm vụ chung* của miền Bắc trước tình hình mới là tiếp tục khẩn trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, có kế hoạch làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu, hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai đối với miền Bắc. Đối với nhiệm vụ kinh tế phải nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

Căn cứ vào "Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá ba năm 1968-1970" của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 18, Tỉnh uỷ Bắc Thái xác định *phương hướng, nhiệm vụ ba năm* 1968-1970 của tỉnh là "Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy những khả năng thuận lợi sẵn có để phát triển kinh tế toàn diện hơn nhằm đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và chuẩn bị tích cực cho bước phát triển mới sau này.Xây dựng Bắc Thái sớm trở thành một tỉnh có nông nghiệp, công nghiệp phát triển và có một căn cứ

địa vững mạnh ..."[1].

Tỉnh uỷ đề ra những mục tiêu cụ thể trong ba năm 1968-1970:

1- *Về chiến đấu và phục vụ chiến đấu.*

Bảo đảm đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch ở địa phương (nếu địch đánh phá trở lại miền Bắc), cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến theo khẩu hiệu "tiền tuyến cần gì, hậu phương có nấy".

2- *Về xây dựng kinh tế địa phương .*

Nông nghiệp, phấn đấu năng suất bình quân cả tỉnh đạt 4 tấn thóc/ha, cây công nghiệp tăng từ một đến hai lần so với năm 1967, bảo đảm 65% diện tích đất trồng trọt được tưới nước hai vụ; chăn nuôi bình quân hai con lợn, 1,4 con trâu,bò/1ha gieo trồng; tổng giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã nông nghiệp tăng gấp hai lần.

Công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất và cung cấp đủ nông cụ thường, một phần nông cụ cải tiến cho nông nghiệp, phương tiện cho giao thông vận tải; sản xuất tự túc được 30% hàng tiêu dùng ở địa phương.

Lâm nghiệp, chấm dứt nạn phá rừng, các hợp tác xã có điều kiện đều phải kinh doanh nghề rừng; trồng cây

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975),* sđd,t. II, tr.123-124.

để "xanh hoá" các đồi trọc chung quanh khu vực hợp tác xã quản lý.

Để tạo điều kiện đạt các chỉ tiêu trên, về nông lâm nghiệp cần tập trung vào thuỷ lợi hoá, mở đường giao thông nông thôn, quản lý kinh doanh nghề rừng và chấm dứt nạn phá rừng.

Về đời sống, phấn đấu nâng mức sống của tất cả các hộ nông dân lên mức sống trung nông, chấm dứt nạn đói giáp hạt, kiên quyết không xin nhà nước cấp bán lương thực; ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào định canh định cư và đồng bào khai hoang.

Về giáo dục, y tế, phổ cập trình độ văn hoá hết cấp I cho cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã, mở trường bổ túc văn hoá tập trung ở mỗi huyện. Các xã đều có trạm xá, có y sĩ và hộ sinh, các bệnh viện huyện có bác sĩ và đầy đủ thiết bị điều trị.

Về xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Tỉnh uỷ đặt chỉ tiêu có 2/3 huyện uỷ, thành uỷ, Đảng bộ xã, chi bộ cơ quan xí nghiệp có phong trào phát triển toàn diện đạt yêu cầu "4 tốt", không còn cơ sở Đảng yếu kém, xác định rõ ranh giới lề lối làm việc và quan hệ công tác trong hệ thống chính trị ở địa phương, "*Đảng* lãnh đạo về chủ trương, đường lối, những biện pháp lớn. *Chính quyền* là cơ quan quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, đề ra các biện pháp cụ thể và chỉ đạo thực

hiện các chủ trương chính sách của Đảng, các *đoàn thể* vận động đoàn viên, hội viên trong tổ chức của mình thực hiện tốt các chủ trương, kế hoạch của Đảng và chính quyền đề ra"[1].

Sau khi có nghị quyết của Tỉnh uỷ, hoà cùng phong trào chung cả nước "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả tỉnh Bắc Thái bước vào thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu với khí thế cách mạng tiến công.

Bước vào năm 1968, ngoài khó khăn do bom đạn địch tàn phá trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất thì thiên tai lại gây ra khó khăn chưa từng có. Đầu vụ đông - xuân, nạn hạn hán kéo dài, rét đậm, có nơi xuống -4,2^{0}c, đặc biệt là mưa tuyết và sương mù trên diện rộng, 17.000 ha lúa chiêm bị chết rét , ảnh hưởng nặng nhất là các huyện miền núi thuộc Bắc Kạn (cũ). Vào vụ hè - thu và vụ mùa lại gặp trận lụt lớn kéo dài làm hỏng hàng chục tấn thóc mạ, làm ngập 6.000 ha lúa, tiếp đến là sâu bệnh phá trên 16.000 ha...

Toàn tỉnh đã tập trung sức khắc phục thiên tai, cứu lúa và hoa màu, phục hồi sản xuất, trồng màu bù cho lúa chiêm ... Toàn tỉnh cứu được 92% diện tích trước nguy cơ bị mất trắng, phục hồi được 3.000 ha bị ngập,

---

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975),* sđd, t. II, tr.126-127.

dập tắt được sâu bệnh, gieo trồng được 90% kế hoạch diện tích[1] . Tuy nhiên, tổng sản lượng lương thực bị giảm sút, riêng lúa chỉ đạt 86,3% kế hoạch. Một số huyện trong tỉnh đã phấn đấu vượt bậc đạt sản lượng cao hơn năm 1967. Na Rì và Ngân Sơn là hai trong số năm huyện đạt thành tích cao.

Sang năm 1969 thời tiết diễn biến bình thường nên sản xuất nông nghiệp được phục hồi, tổng sản lượng lương thực cao hơn cả năm 1967 và 1968.

Ngày 2 - 9 -1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu từ trần, Người để lại bản *Di chúc* lịch sử. Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị trong *toàn Đảng, toàn dân, toàn quân học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Bộ Chính trị chỉ ra nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là "Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết tâm làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, ra sức thi đua đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp

---

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975)*, sđd, t.II, tr.133-134.

công nhân và nhân dân thế giới"[1]. Bắc Thái là nơi Bác Hồ kính yêu đã từng ở, hoạt động, trực tiếp lãnh đạo, dạy bảo nhiều năm trước cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp, vì vậy với nhân dân trong cả nước, nhân dân Bắc Thái càng ghi tạc lời dặn lại trong bản *Di chúc* thiêng liêng của Người. Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái biến đau thương thành hành động cách mạng, đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Năm 1970, thời tiết thuận lợi, chính sách mới ổn định nghĩa vụ lương thực cùng với phong trào thi đua thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nên sản xuất nông nghiệp đạt thành tích cao. Tổng sản lượng lương thực cao hơn năm 1968-1969, đạt bằng mức năm 1965 khi chưa có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, đàn gia súc tăng đều hàng năm từ năm 1968 đến năm 1970 đã có gần 130.000 con trâu, gần 9.000 con bò và gần 20 vạn con lợn.

Về lâm nghiệp, tỉnh đã tổ chức điều tra và kết luận về tài nguyên rừng và đã quy hoạch, có tu bổ được một diện tích nhỏ, số lao động huy động cho lâm nghiệp đã được chú ý, tăng lên 6%, nhưng cả ba năm 1968-1969, 1970 kế hoạch trồng rừng chỉ đạt trên dưới 50%. Nạn

---

1. Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ thị về đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 29-9-1969.

phá rừng đầu nguồn vẫn còn nghiêm trọng ở một số huyện, trong đó có Na Rì.

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp có nhiều khó khăn, hiện tượng xã viên xin ra hợp tác xã, đòi chia nhỏ hợp tác xã, nhiều hợp tác xã có nguy cơ tan vỡ ở huyện nào cũng có. Ngoài các huyện coi là nghiêm trọng, thì các huyện Ngân Sơn, Chợ Rã, Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn đều có một số hợp tác xã gặp khó khăn.

Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp từ năm 1968 đến 1970, hàng năm sản phẩm phục vụ nông nghiệp và giao thông vận tải đều tăng. Riêng sản phẩm hàng tiêu dùng năm 1970 tăng 29,9 % so với năm 1969.

Công tác giao thông vận tải là mặt trận gặp nhiều khó khăn lớn. Trận lũ lụt tháng 8 - 1968 làm cho hầu hết các bến phà, đường ngầm ... bị hư hại nghiêm trọng. Các tuyến đường bị sụt lở làm gián đoạn giao thông. Tỉnh uỷ đã quyết tâm lãnh đạo tập trung lực lượng thanh niên xung phong, công nhân, nhân dân các địa phương với khoảng 17 vạn ngày công nhanh chóng sửa chữa thông xe các tuyến đường xung yếu đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu.

Riêng ngành vận tải do tổ chức quản lý người và phương tiện thiếu chặt chẽ, chưa coi trọng đúng mức phương tiện vận tải thô sơ trên các tuyến đường ngắn, vùng cao nên kết quả thấp so với chỉ tiêu. Năm 1970 chỉ đạt 60-65% kế hoạch .

Ngành giáo dục trong những năm 1968 đến 1970 tiếp tục phát triển về số lượng trường lớp, giáo viên và học sinh các cấp, thêm 646 giáo viên lên các huyện miền núi, mở thêm trường sư phạm, số học sinh phổ thông tăng từ 1,9% lên 19,9% nhưng chất lượng dạy học còn hạn chế.

Công tác quân sự, từ quý II năm 1968, máy bay Mỹ đã ngừng bắn phá nhưng chúng vẫn bay trinh sát. Tỉnh đã tổ chức tổng kết cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại vào đầu năm 1968. Sau đó công tác quân sự địa phương, phòng không nhân dân, sẵn sàng chiến đấu vẫn được quan tâm. Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên được bổ sung, huấn luyện theo đúng chỉ tiêu kế hoạch.

Công tác tuyển quân trong ba năm từ 1968 đến 1970, tỉnh đều vượt chỉ tiêu , nhưng những huyện vùng cao như Ngân Sơn, Na Rì, Chợ Rã gặp nhiều khó khăn, có năm như 1968 chỉ đạt từ 83 đến 87 %[1].

Công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về xây dựng Đảng, nhất là kết quả Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng ở miền núi do Trung ương triệu tập. Năm 1968, công tác xây dựng Đảng của tỉnh Bắc Thái có chuyển biến mới. Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975)*, sđd, t.II, tr.143.

Đảng ở nông thôn Bắc Thái. Sang năm 1969, đặc biệt là từ cuối năm và năm 1970, công tác xây dựng Đảng có những thuận lợi mới. Đó là việc chuẩn bị và kỷ niệm bốn ngày lễ lớn, đợt sinh hoạt chính trị làm theo *Di chúc* của Bác Hồ "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"; việc học tập, thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh; đại hội Đảng các cấp chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất. Công tác xây dựng Đảng đi vào nền nếp và chất lượng các tổ chức Đảng được nâng dần đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất (từ 21 - 5 đến 3 - 6 - 1970), tháng 9-1970, Tỉnh uỷ họp hội nghị bàn phương hướng và nhiệm vụ lãnh đạo triển khai các cuộc vận động lớn của Trung ương và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Tỉnh uỷ xác định: "Từ nay đến hết năm 1971, tỉnh ta phải nỗ lực vượt bậc, ra sức khắc phục những hậu quả của chiến tranh, tích cực phát triển kinh tế toàn diện, phát huy ba thế mạnh của miền núi (nghề rừng, chăn nuôi và cây công nghiệp), nhưng trọng tâm là ra sức sản xuất mạnh mẽ lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu (...) và sản xuất các vật liệu xây dựng, nâng cao khối lượng sản phẩm xã hội, từng bước ổn định đời sống nhân dân, hết lòng làm tròn nhiệm vụ đối với tiền tuyến lớn anh hùng".

Bước vào năm 1971, Bắc Thái lại gặp những khó khăn nghiêm trọng. Đầu năm gặp hạn hán và giá rét, quý II bị lũ và lốc lớn, quý III lại bị hai trận lụt, tiếp đến là sâu bệnh, thiên tai không chỉ gây thiệt hại cho nông nghiệp mà còn gây khó khăn cho nhiều ngành kinh tế khác.

Mặc dù Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái có quyết tâm cao, chống thiên tai, tích cực sản xuất bù phần thiệt hại, nhưng tổng sản lượng *lương thực* chỉ đạt 87,7% kế hoạch. *Chăn nuôi* vốn là thế mạnh của tỉnh nhưng các cấp thiếu biện pháp và chính sách thoả đáng với nghề chăn nuôi nên đàn trâu và lợn tăng chậm (1-2%), đàn bò và lợn nái lại giảm. *Nghề rừng* có được chú ý trồng nhưng nạn phá rừng vẫn rất nghiêm trọng, vượt xa diện tích được trồng. *Công nghiệp địa phương* tăng hơn năm 1970 nhưng so với kế hoạch chỉ đạt 96%. Xây dựng cơ bản chỉ đạt 73,1% kế hoạch, thấp hơn năm 1970. Ngành *giao thông vận tải* mặc dù gặp nhiều khó khăn do lũ lụt nhưng do quyết tâm tập trung lực lượng của tỉnh nên đã bảo đảm thông xe các tuyến đường chiến lược qua tỉnh.

Công tác tuyển quân cả ba đợt năm 1971 đều vượt chỉ tiêu trên giao.

Văn hoá xã hội phát triển, ngành giáo dục có chuyển biến, đẩy mạnh phong trào thi đua "hai tốt", các lớp bổ túc được duy trì, đặc biệt là ở các huyện Đại Từ, Na Rì và khu Gang thép. Việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ được coi trọng.

Công tác xây dựng và củng cố Đảng được quan tâm, nhất là việc giáo dục chính trị, tư tưởng để cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn yêu cầu cấp bách của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giữa năm 1972, đế quốc Mỹ mở lại cuộc "chiến tranh phá hoại" lần thứ hai đánh phá vô cùng ác liệt đối với miền Bắc. Bắc Thái cũng chịu nhiều bom đạn của đế quốc Mỹ. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết 220 (ngày 1-6-1972) điều chỉnh kế hoạch kinh tế, văn hoá năm 1972 trong tình hình mới. Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái đã xác định những nhiệm vụ chủ yếu của địa phương trong tình hình mới là:

1- Tập trung toàn lực phục vụ giao thông vận tải, bảo đảm giao thông thông suốt là nhiệm vụ trung tâm đột xuất số 1. Tỉnh quyết định thành lập ban chỉ huy công trường, huy động dân công trong tỉnh, trong đó lấy đảng viên và đoàn viên làm lực lượng nòng cốt.

2- Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp và trước hết là lương thực, thực phẩm.

3- Động viên sức người, sức của chi viện cao nhất cho tiền tuyến.

4- Làm tốt hơn nữa công tác phòng không sơ tán, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân.

5- Chuẩn bị điều kiện cho kế hoạch xây dựng khi

chiến tranh kết thúc.

Năm 1972, do hậu quả chiến tranh phá hoại nên công nghiệp và thủ công nghiệp không đạt kế hoạch và giảm sút so với năm 1971. Nhưng nông nghiệp đạt khá, kế hoạch nghĩa vụ lương thực vượt mức. Có 6/13 huyện, thị vượt mức từ 6,2 đến 7,2%, trong đó có Chợ Rã, Bạch Thông, Na Rì.

Đặc biệt ngành giao thông vận tải, công tác trung tâm với yêu cầu rất cao nhưng đã đạt chỉ tiêu cả về công trình xây dựng, phương tiện vượt sông, và kế hoạch vận chuyển.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái tranh thủ điều kiện hoà bình, khẩn trương phục hồi, phát triển sản xuất, dốc sức cùng đồng bào cả nước giành thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ tập trung của tỉnh là "đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi, phát triển mạnh cây chè và nghề rừng". Để đạt các chỉ tiêu nông nghiệp, Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề ra nhiều biện pháp chủ yếu về tư tưởng, tổ chức và khoa học kỹ thuật, trong đó có việc đấu tranh chống tư tưởng bảo thủ, mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất cao vào cả hai vụ sản xuất.

Kết quả là năm 1973 đạt *tổng sản lượng lương thực* 178.049 tấn. Đấy là năm đạt tổng sản lượng cao nhất từ năm 1960 đến năm 1973. Vùng chuyên canh chè đã

hình thành, sản lượng chè đạt 542 tấn, tăng hơn năm 1972 là 19%. Chăn nuôi cũng tăng 9,7% so với năm 1972.

Sản xuất *công nghiệp* năm 1972 có bước phát triển mới. Sáu trong mười ngành công nghiệp hoàn thành từ 100 đến 158% kế hoạch, tăng từ 4 đến 21% so với năm 1972; 52 trên 71 đơn vị đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn.

Công tác *giáo dục, y tế* cũng phát triển tốt. Trường phổ thông cấp III Bạch Thông được Bộ Giáo dục công nhận là trường tiên tiến của các tỉnh miền núi. Việc tiêm chủng phòng bệnh mùa hè đạt kế hoạch, v.v..

Tháng 12 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 22 bàn về khôi phục kinh tế ở miền Bắc. Hội nghị đánh giá những hậu quả nghiêm trọng do cuộc "chiến tranh phá hoại" của đế quốc Mỹ gây ra, vạch rõ tình trạng sản xuất thấp kém, kinh tế chậm phát triển và đời sống khó khăn của nhân dân ta và thông qua phương hướng, kế hoạch khôi phục kinh tế trong hai năm 1973-1974.

Ngày 16 - 2 -1974, Thường vụ Tỉnh uỷ họp quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương xác định chương trình, nhiệm vụ các ngành, các địa phương sáu tháng đầu năm 1974. Ngày 18 - 7 - 1974, Thường vụ Tỉnh uỷ lại họp kiểm điểm công tác sáu tháng đầu năm và đề ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ sáu

tháng cuối năm.

Nhờ điều kiện hoà bình, điều kiện thời tiết cũng thuận lợi và sự lãnh đạo cụ thể sâu sát của Tỉnh uỷ nên nông nghiệp Bắc Thái phát triển khá, tổng sản lượng lương thực năm 1974 đạt 186.600 tấn. Đây là năm đạt tổng sản lượng lương thực cao nhất từ trước đến lúc đó.

Về *cây công nghiệp*, diện tích chè lên tới 1.762 ha, vượt12,8%so với kế hoạch và tăng 28,6% so với năm trước, năng suất bình quân 8 tấn/ ha.

Chăn nuôi so với năm 1973 cả đàn trâu, bò, lợn, dê đều tăng. Đáng chú ý là *nghề rừng*. Các chỉ tiêu về trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng không đạt kế hoạch. Không những thế, nạn phá rừng diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Năm 1974, phá 4.725 ha, gấp 3,6 lần so với năm 1973. Điển hình là Chợ Rã đã phá 2.837 ha[1].

Công nghiệp địa phương tuy không đạt kế hoạch nhưng cũng tăng 10% so với năm 1973.

Phong trào làm đường giao thông có nhiều chuyển biến (nổi lên là Định Hóa, Bạch Thông) nhưng phong trào chưa đều. Các xã xa đường lớn thường gặp khó khăn và kết quả yếu như một số xã của Chợ Rã (15/23 xã), Na Rì (14/21 xã), Chợ Đồn (7/20 xã), Ngân Sơn (4/12 xã).

---

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955-1975)*, sđd, t. II, tr.278.

Trên đà thắng lợi, sang năm 1975, Tỉnh uỷ khẳng định phải kết thúc thắng lợi thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tạo ra một thế tương đối vững mạnh, chuyển sang thời kỳ phát triển kinh tế và văn hoá trên quy mô lớn vào những năm sau.

Tổng kết tình hình kinh tế năm 1975, là năm sản xuất nông nghiệp đạt kết quả tốt, tổng sản lượng tăng 3,2% so với năm 1974. Chè vượt 3,6% kế hoạch, tăng 600 tấn búp tươi so với năm trước. Chăn nuôi, đàn gia súc tăng từ 0,2 đến 9%...

III. GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

Từ ngày 7 - 2 - 1965, không quân và hải quân Mỹ bắt đầu mở rộng việc đánh phá miền Bắc. Ngày 20 - 7 - 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta "Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn"[1].

Thường vụ Tỉnh uỷ động viên quân và dân toàn tỉnh khẩn trương hoàn thành mọi công tác chuẩn bị chiến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t. 11, tr. 470.

đấu, phòng tránh và phục vụ chiến đấu. Chỉ sau ít ngày, một mạng lưới công sự chiến đấu, hào giao thông, hầm trú ẩn dần dần hình thành trong từng khu phố, làng bản, từng xí nghiệp, cơ quan và từng gia đình. Từ tháng 8-1965 đã có nhiều lần máy bay trinh sát U2 của Mỹ bay do thám trên vùng trời Bắc Kạn. Ngày 5,7,15 - 9-1965, máy bay Mỹ ném bom xuống công trường quân sự Mai Hiên(kho A3) thuộc thị xã Bắc Kạn. Quân dân thị xã Bắc Kạn đã bắn rơi 1 chiếc F. 105, chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Bắc Kạn. Thị xã Bắc Kạn là nơi đầu tiên của Bắc Thái và Bắc Thái là tỉnh đầu tiên ở Việt Bắc bắn rơi máy bay Mỹ. Với thành tích xuất sắc này, thị xã Bắc Kạn được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cờ "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Tiếp đó từ tháng 10 - 1965 trở đi, máy bay Mỹ liên tiếp đánh phá các kho tàng, xí nghiệp, cầu đường, khu tập trung dân... trong toàn tỉnh, trong đó có những trọng điểm ở các huyện, thị thuộc Bắc Kạn như kho A3, Cầu Phà (thị xã Bắc Kạn) cầu Ổ Gà (Chợ Mới), cầu Pá Deng (Bạch Thông). Chỉ trong ba tháng cuối năm 1965, máy bay Mỹ đã đánh phá 15 trận, bằng 88 lần tốp, 414 lần chiếc, ném 1.626 quả bom xuống địa bàn Bắc Thái. Cũng trong bốn tháng đó, Bắc Thái đã hạ ba máy bay Mỹ.

Năm 1966, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc ác liệt hơn nhưng cũng bị thiệt hại nặng nề hơn nhiều lần. Trong năm 1966, miền Bắc đã

bắn rơi 773 máy bay Mỹ. Riêng Bắc Thái bắn rơi gần 40 máy bay Mỹ, khoảng 100 giặc lái bị chết hoặc bị bắt. Nhiều tấm gương dũng cảm bắt giặc lái Mỹ như chị Hoàng Thị Cắm, Hoàng Thị Tơ, (dân tộc Tày, ở Chợ Đồn)...

Năm 1967 và đầu năm 1968, đế quốc Mỹ càng đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại vào giai đoạn ác liệt hơn. Tỉnh uỷ đã phát động một tháng đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân mà trọng tâm là tổ chức việc phòng tránh (tháng 3-1967). Tính đến cuối năm, toàn tỉnh có trên 1,6 triệu hầm hố gia đình và cá nhân, gần 500 km đường hào. Vì vậy, mức độ thiệt hại, nhất là thương vong giảm đi nhiều. Trước thất bại hoàn toàn của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" sau hơn ba năm ngừng ném bom bắn phá miền Bắc, từ tháng 4 - 1972, đế quốc Mỹ gây lại cuộc "chiến tranh phá hoại" (lần thứ hai), dùng máy bay đánh cả ngày lẫn đêm vào các thành phố, thị xã. Ngày 16 - 4 - 1972, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước tăng cường đoàn kết, kiên quyết chiến đấu để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc. Thường vụ Tỉnh uỷ cùng Bộ chỉ huy quân sự Bắc Thái họp hội nghị bất thường kiểm tra lại toàn bộ công tác chuẩn bị tư tưởng, tổ chức chiến đấu và phòng tránh của các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh. Ngày 19 tháng 4, Uỷ ban hành chính tỉnh ra bản Chỉ thị "Tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân

dân trong tình hình hiện nay". Bản Chỉ thị khẳng định Bắc Thái sẽ là một mục tiêu đánh phá của địch và nêu lên yêu cầu, nhiệm vụ về tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, tăng cường công tác phòng không.

Ngày 24, 25 - 4 - 1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp nghiên cứu quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra nghị quyết về tổ chức phòng không sơ tán, bảo đảm sản xuất, công tác và chiến đấu trong tình hình mới: "Để chủ động đối phó với những âm mưu độc ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vấn đề khẩn trương, trước mắt cần tiến hành gấp là phải tổ chức sơ tán, phân tán dãn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất nếu địch đánh phá, đồng thời vẫn phải bảo đảm sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt"[1].

Ngày 24 - 5- 1972, cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ đã lan đến địa bàn Bắc Thái. Ngày 15 - 6, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 17 xác định bốn nhiệm vụ chủ yếu trong tình hình mới là:Tăng cường lực lượng, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc; chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam; chuyển hướng kinh tế điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình mới; tích cực chuẩn bị điều kiện khôi phục và phát triển kinh tế khi chiến tranh kết thúc.

---

1. *Lịch sử Đảng tỉnh bộ Bắc Thái (1955-1975),* sđd, t. II, tr.13.

Tính từ ngày 24 - 5 đến 23 - 10 - 1972, cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên đất Bắc Thái kéo dài 152 ngày đêm với gần 400 lần chiếc máy bay, bắn phá 103 trận với trên 2 vạn bom các loại.

Giữa tháng 10 - 1972, máy bay địch đã nhiều lần đánh phá ác liệt gây cho ta một số thiệt hại ở thị trấn Bắc Kạn và xã Huyền Tụng (Bạch Thông). Chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, quân dân Bắc Thái đã hạ gần 10 máy bay địch, hạn chế được nhiều tổn thất về người và của, bảo đảm giao thông thời chiến trên các tuyến quốc lộ chạy qua tỉnh.

Từ ngày 22 - 10 - 1972, Tổng thống Mỹ Níchxơn phải ra lệnh ngừng bắn phá từ bắc vĩ tuyến 20. Tỉnh uỷ đã chỉ đạo quân dân trong tỉnh tranh thủ điều kiện ngừng bắn khẩn trương triển khai một số công việc cấp bách về sản xuất lương thực, tu bổ hệ thống thuỷ lợi, sửa chữa cầu đường... nhưng vẫn tích cực thực hiện phương án sẵn sàng chiến đấu để đối phó với trường hợp địch trở lại bắn phá. Việc xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ phối hợp cùng lực lượng phòng không quốc gia trên địa bàn tỉnh được xúc tiến và đem lại kết quả tốt. Thêm một trung đoàn cao xạ và hai đại đội phòng không bằng súng bộ binh được tổ chức.

Mặc dù gần hai tháng ngừng bắn phá nhưng địch vẫn thường xuyên trinh sát. Không phận Bắc Thái có 11 lần máy bay trinh sát, trong đó có sáu lần bằng máy

bay không người lái. Ngày 26 - 11 - 1972, Uỷ ban hành chính tỉnh đã điện cho các ngành, các địa phương, nhắc nhở những việc cấp bách cần tiến hành để sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại trở lại.

Ngày 27 - 11 - 1972, Quân uỷ Trung ương chỉ thị các lực lượng vũ trang "Tăng cường sẵn sàng chiến đấu", các đơn vị phải hết sức đề cao cảnh giác, kiểm tra và hoàn thành kế hoạch tác chiến và phòng tránh sơ tán. Các lực lượng phòng không ba thứ quân chuẩn bị cho đợt chiến đấu lớn có thể xảy ra. Ban phòng không tỉnh Bắc Thái đã gấp rút họp đánh giá tình hình, đề ra phương án khẩn trương chuẩn bị chiến đấu và phòng tránh.

Đầu tháng 12, Bắc Thái cũng như toàn miền Bắc đã trong tư thế sẵn sàng đánh trả mọi hành động chiến tranh của địch.

Ngày 17 - 12, các lực lượng vũ trang nhận được lệnh của Bộ Quốc phòng chuyển vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất.

Đêm 18 - 12 - 1972, nhiều tốp máy bay B52 ồ ạt trút bom xuống Thủ đô Hà Nội, mở đầu cuộc tập kích chiến lược của Mỹ. Hai ngày sau, đêm 20- 12, máy bay B52 và các loại máy bay chiến thuật đánh phá nhiều mục tiêu trên diện rộng ở tỉnh Bắc Thái. Lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh đã dũng cảm chiến đấu, hạ hai

máy bay B52, góp phần cùng quân dân miền Bắc hạ 34 "pháo đài bay" của không lực Hoa Kỳ trong trận "Điện Biên Phủ trên không" 12 ngày đêm cuối năm 1972.

Là một tỉnh hậu phương trong hậu phương lớn của chiến tranh cách mạng miền Nam, Bắc Thái luôn xác định nghĩa vụ thiêng liêng bảo đảm cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến, theo khẩu hiệu "gạo không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "tiền tuyến cần gì, hậu phương cố nấy". Tổng kết 5 năm, từ 1965 đến 1970 thì ba năm đầu tỉnh chỉ đạt 98,4%, các năm sau tỉnh đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân từ 1 đến 6,7%. Năm 1971 đạt 105,5%. Năm 1972-1973, toàn tỉnh đạt chỉ tiêu tuyển quân trên giao, 5/13 huyện hoàn thành vượt chỉ tiêu từ 0,3 đến 4,4% trong đó Bạch Thông là huyện 10 năm liền vượt chỉ tiêu tuyển quân hàng năm: năm 1968 đạt 109%, năm 1969 đạt 102,66%, năm 1974 vượt 9%. Năm 1974, huyện Chợ Rã vượt 21%.

Chính sách hậu phương quân đội cũng được Tỉnh uỷ và các cấp, các ngành chú trọng, góp phần quan trọng động viên các chiến sĩ trên chiến trường chiến đấu dũng cảm đánh thắng kẻ thù. Hầu hết các xã đã thành lập các tổ thương binh, vợ quân nhân giúp đỡ nhau phát huy truyền thống cách mạng và sản xuất chăm lo đời sống. Con em gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội ở chiến trường được chú ý chăm sóc giáo dục. Huyện Bạch Thông có 85% cán bộ nữ giữ cương vị chủ chốt ở cơ sở là

vợ bộ đội tại ngũ. Năm 1973, huyện Bạch Thông được nhận bằng khen của tỉnh về thành tích hậu phương quân đội.

Nhiều con em quê hương Bắc Kạn đã lập chiến công xuất sắc. Có chiến sĩ quân đội người dân tộc Tày đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Nhiều con em Bắc Kạn đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.

Công tác bảo đảm cầu đường phục vụ giao thông vận tải phục vụ chiến trường trong suốt cuộc chiến tranh của tỉnh đã đạt thành tích nổi bật. Có những thời điểm nghiêm trọng do địch đánh phá và gặp thiên tai, đòi hỏi phải huy động đột xuất cả cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào đóng góp nhân lực, vật lực, cả xương máu để bảo đảm giao thông, nhất là trục Đường số 3. Đảng bộ đã lãnh đạo tổ chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Là một tỉnh miền núi điều kiện tự nhiên không thuận lợi, dân số ít, kinh tế còn nghèo nhất là công nghiệp chưa phát triển, nhưng ngoài việc chi viện sức người cho chiến trường, nhân dân Bắc Kạn còn đóng góp nghĩa vụ lương thực cung cấp cho tiền tuyến. Mặc dù đời sống đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng hầu như năm nào Bắc Kạn cũng đạt hoặc vượt chỉ tiêu. Các đơn vị huấn luyện chiến sĩ mới để tăng cường cho chiến trường trên địa bàn Bắc Kạn được

chăm sóc chu đáo từ cung cấp gỗ, tre, nứa, lá làm nhà đến cung cấp lương thực, thực phẩm, tặng quà, động viên tinh thần người đi chiến đấu...

Tuy ở xa chiến trường, lại là địa bàn nhỏ, số lượng thực tế đóng góp cho chiến trường còn ít so với nhiều tỉnh khác, nhưng tinh thần "tất cả vì miền Nam" thường xuyên được Đảng bộ và nhân dân quán triệt, coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng, niềm tự hào, vinh dự của mình, coi hai tỉnh kết nghĩa Kon Tum, Khánh Hoà như người anh em ruột thịt đang bị hoạn nạn nơi xa.

IV. SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA CÁC CẤP BỘ ĐẢNG Ở BẮC KẠN TRONG THỜI KỲ CẢ NƯỚC CÓ CHIẾN TRANH

Sau khi Nhà nước có quyết định hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái, tháng 6 - 1965, hội nghị hợp nhất Ban Tỉnh uỷ được tiến hành. Từ đây, các Đảng bộ huyện, thị của Bắc Kạn: Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, thị xã Bắc Kạn trở thành các Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh, khi thị xã Bắc Kạn nhập vào trở thành thị trấn của huyện Bạch Thông thì Đảng bộ thị xã cũng sáp nhập vào Đảng bộ huyện Bạch Thông.

Từ năm 1965, trước yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới, số lượng đảng viên của các đảng bộ tăng lên

nhanh chóng. Năm 1965, riêng Bạch Thông có 57 chi bộ, đảng bộ cơ quan, xí nghiệp, xã, thị trấn gồm 1.294 đảng viên. Năm 1966, số chi bộ, đảng bộ lên đến 77 với 1.438 đảng viên, chất lượng cơ sở Đảng và đảng viên cũng ngày một cao. Đầu năm 1967, huyện có 12 chi bộ và Đảng bộ được công nhận là Đảng bộ 4 tốt, 19 chi bộ khá, 16 chi bộ trung bình[1].

Trong những năm chiến tranh, cán bộ đảng viên luôn vững vàng, kiên định lập trường, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu trước quần chúng. Tuy nhiên, công tác giáo dục, nhất là với đảng viên mới chưa được quan tâm đầy đủ, thường xuyên, nên tư tưởng bảo thủ, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng còn tồn tại khá phổ biến, kể cả trong một số đảng viên giữ cương vị lãnh đạo.

Đầu năm 1965, trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới và sự trưởng thành của chi bộ, Đảng bộ thị xã Bắc Kạn được thành lập. Tháng 4 - 1965, Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ thị xã Bắc Kạn được tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã gồm 9 đồng chí.

Từ ngày 21 - 5 đến ngày 3 - 6 - 1970, *Đại hội đại*

---

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, sđd, t. II, tr.187.

biểu Đảng bộ lần thứ nhất tỉnh Bắc Thái họp tại thành phố Thái Nguyên, 272 đại biểu thay mặt ba vạn đảng viên dự đại hội.

Đại hội đã đánh giá ưu điểm, thành tích và những khuyết điểm từ khi hợp nhất tỉnh. Đại hội *đã ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ* bốn năm tới (1970-1973). Đại hội quyết nghị nhiệm vụ trước mắt của tỉnh là : "Phải nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực, tự lực cánh sinh, gian khổ phấn đấu, tập trung vào nhiệm vụ mấu chốt là ra sức phát triển mạnh mẽ lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; nhất là những loại cây lương thực... Tích cực phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, cây công nghiệp, bảo vệ, tu bổ, trồng và khai thác rừng, tạo điều kiện tích luỹ xây dựng và phát triển kinh tế địa phương để ngày càng có nhiều sản phẩm góp với Nhà nước, từng bước cải thiện đời sống công nhân, nông dân tập thể các dân tộc".

Đại hội đề ra những *chỉ tiêu cụ thể* về: Xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá; chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an xã hội; ra sức xây dựng Đảng và cải tiến một bước phương thức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của các cấp từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường củng cố chính quyền nhân dân và hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh phải (...) ra sức phát triển

kinh tế để bảo đảm cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng nhân dân cả nước nhanh chóng đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc".

Đại hội đã bầu 23 uỷ viên chính thức, bốn uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, do đồng chí Hoàng Bắc Dũng làm Bí thư.

Thi hành chỉ thị về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, toàn Đảng bộ đã kết nạp bốn đợt được 676 đồng chí.

Sau Đại hội, Tỉnh uỷ quan tâm nhiều đến chất lượng đảng viên. Qua điều tra đánh giá tình hình cho thấy, ngay việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh ở một số huyện cũng có từ 10 đến 17,9% không đủ tiêu chuẩn. Kết quả phân loại đảng viên toàn tỉnh cho con số: từ 9 đến 23% đảng viên ở cơ sở phấn đấu kém. Số đảng viên có vấn đề cần xem xét tư cách để đưa ra khỏi Đảng đến 1.260 người. Các tổ chức đã thi hành kỷ luật 306 đảng viên, gồm 10 huyện uỷ viên và tương đương, 71 đảng uỷ viên và chi uỷ viên, trong đó 58% bị khai trừ.

Tổng hợp công tác xây dựng Đảng từ sau Đại hội Đảng bộ đến năm 1972, Tỉnh uỷ rút ra kết luận:

- Công tác tư tưởng và tổ chức xây dựng Đảng ở cơ sở trong những năm qua bị buông lỏng cả về mặt kết nạp Đảng và quản lý cán bộ, đảng viên.

- Việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đảng viên theo yêu cầu cách mạng không làm được thường xuyên, nhất là việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán không được quy hoạch cụ thể.

- Tổ chức kiểm tra dân chủ, kỷ luật của đảng bộ cấp trên đối với cơ sở thiếu chặt chẽ....

*

* *

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong thắng lợi lịch sử vĩ đại đó, Đảng bộ các cấp và quân dân tỉnh Bắc Thái nói chung, trong đó có Đảng bộ và nhân dân các huyện thuộc Bắc Kạn đã góp phần xứng đáng. Những thành tựu của tỉnh trong thời kỳ cả nước có chiến tranh (1965-1975) còn là cơ sở vững chắc để Bắc Thái và Bắc Kạn sau này bước sang chặng đường phát triển mới.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Kạn nghiệm thu cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn", tập I.

KẾT LUẬN

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc anh em sinh sống từ lâu đời, là tỉnh đất rộng người thưa và có vị trí quan trọng ở vùng Việt Bắc. Trong quá trình phát triển của lịch sử, đồng bào Bắc Kạn đã có những đóng góp xứng đáng cùng nhân dân các dân tộc trong cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Bắc Kạn có vinh dự lớn *là một tỉnh nằm trong cái nôi của cách mạng*. Chính từ quê hương cách mạng (khu Cao - Bắc - Lạng), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã xây dựng căn cứ và lực lượng đầu tiên, điểm xuất phát cho cao trào cách mạng giành chính quyền 1939-1945. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bắc Kạn là một tỉnh của *khu căn cứ* chiến lược của cả nước. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bắc Kạn lại là một tỉnh của *hậu phương lớn*...

Vào những thời điểm quan trọng của đất nước, của cách mạng, Bắc Kạn đều được Đảng, Nhà nước trao cho những nhiệm vụ nặng nề và vinh quang. Dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, Đảng bộ Bắc Kạn đã lãnh đạo đồng bào xây dựng lực lượng mọi mặt chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, chiến đấu và chi viện sức người, sức của cho tiền

tuyến trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Đó là đóng góp nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn.

Mặc dù hơn nửa thế kỷ qua hầu như không lúc nào cuộc sống của đồng bào không bị chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp của chiến tranh, nhưng với bản chất, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, tinh thần yêu quê hương đất nước, quyết tâm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nhân dân Bắc Kạn đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, chế độ mới.

Từ một tỉnh nông nghiệp miền núi trình độ sản xuất thấp, nhiều vùng còn phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, đời sống của đồng bào dân tộc thường xuyên đói nghèo, văn hoá xã hội kém phát triển, đến nay Bắc Kạn đã trở thành *một tỉnh nông - lâm nghiệp*. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, kể cả đồng bào dân tộc ít người vùng cao, vùng xa từng bước tiến lên no ấm, văn minh. Hiện nay Bắc Kạn vẫn là một tỉnh nghèo so với các tỉnh trong cả nước, nhưng những thành tựu về kinh tế, đời sống đạt được là bước tiến chưa từng có, là niềm phấn khởi tự hào chính đáng của nhân dân cả tỉnh.

Cuộc vận động giảm tô, giảm tức và cải cách dân chủ, công cuộc cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện đường lối, chính sách,

pháp luật của Đảng và Nhà nước đã làm *biến đổi cơ bản quan hệ xã hội của tỉnh*. Điều mong ước ngàn đời của đồng bào đã được thực hiện. Con người được sống tự do, bình đẳng, các dân tộc đoàn kết giúp đỡ nhau, quan hệ bình đẳng, thương yêu gắn bó trên mảnh đất quê hương lâu đời, nạn người bóc lột người, áp bức, kỳ thị dân tộc căn bản bị xoá bỏ. Đó là một cơ sở vững vàng, một điều kiện quyết định để thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng một số tỉnh miền núi, trước đây điều dễ nhận thấy là sự phụ thuộc của con người vào thiên nhiên, cả trong sản xuất và đời sống vật chất, đời sống tinh thần. Ánh sáng của thế giới quan, nhân sinh quan mới, thành tựu khoa học kỹ thuật chưa soi dọi vào đời sống đồng bào, nhất là vùng cao, vùng xa. Từ khi Đảng ra đời, nhờ ánh sáng cách mạng, có sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Đảng bộ các cấp cùng sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của các tầng lớp nhân dân, đến nay cùng cả nước, đồng bào tỉnh Bắc Kạn đã vươn lên *làm chủ quê hương làng bán, làm chú cuộc sống của mình*. Con người đã từng bước làm chủ tự nhiên, hạn chế thiên tai, khai thác tự nhiên phục vụ cuộc sống. Những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan được loại bỏ dần, nếp sống văn hoá mới, con người mới được xây dựng, sự nghiệp y tế, văn hoá, giáo dục có bước tiến vượt bậc.

Hệ thống chính trị của tỉnh, Đảng bộ và chính quyền

các cấp, các đoàn thể chính trị xã hội ngày càng phát triển và được củng cố. Đảng bộ Bắc Kạn luôn gắn bó mật thiết với quần chúng, rất nhiều thời kỳ được dân nuôi nấng, đùm bọc che chở, đã thực hiện được lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân". Chính quá trình rèn luyện trong đấu tranh mà ngày nay Đảng bộ đã trưởng thành, với đội ngũ đảng viên đang phấn đấu xây dựng, chỉnh đốn Đảng để vươn lên ngang tầm với yêu cầu lãnh đạo một tỉnh vừa tái lập phát triển toàn diện.

Có được những thành tựu trên, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn nhận thức rất rõ, trước hết là do *sự lãnh đạo trực tiếp, gần gũi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Đây là điều kiện quý báu mà không phải tỉnh nào cũng có, vì nhiều thời kỳ Trung ương Đảng và Bác Hồ đặt cơ quan lãnh đạo trong khu Cao - Bắc - Lạng hoặc ngay trên đất Bắc Kạn.

Đảng bộ Bắc Kạn luôn luôn *quán triệt đường lối, chủ trương chung* của Trung ương, nhất là trong những bước chuyển tình hình nhiệm vụ cách mạng, đã *vận dụng vào tình hình cụ thể* kịp thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp chung và từng lĩnh vực; tổ chức động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn lại cả quá trình lãnh đạo, Đảng bộ có lúc nhận thức chưa đầy đủ tình hình nhiệm vụ, lường chưa hết diễn biến phức tạp

của tình hình, nên có ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ trên từng mặt và từng lúc, nhưng các chủ trương lớn đều đúng đắn, phù hợp và đối với các nhiệm vụ chỉ tiêu cơ bản thì bao giờ cũng hoàn thành.

Sức mạnh đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong các tầng lớp nhân dân, kể cả tầng lớp trên, các dân tộc trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ là nguyên nhân trực tiếp đưa đến những thắng lợi. Là một tỉnh có nhiều dân tộc trình độ phát triển, phong tục tập quán khác nhau, kẻ thù lại thường xuyên tìm mọi cách chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, nhưng nhờ chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, nhờ truyền thống đoàn kết và tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, các giới đồng bào các dân tộc luôn đoàn kết gắn bó vì nghĩa lớn, vì lợi ích chung, trong đó có lợi ích bộ phận và bản thân mình, hết lòng hết sức phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng. Các thế hệ đảng viên của Bắc Kạn dù là người địa phương hay ở các địa phương khác công tác ở Bắc Kạn đều chân thành đoàn kết giúp đỡ nhau làm tốt nhiệm vụ của tỉnh.

Qua thực tiễn đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn, có thể nhận thấy những bài học quý báu khẳng định chặng đường lịch sử vẻ vang vừa qua mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn cho chặng đường tiếp theo.

Để có được phong trào cách mạng sôi nổi ở địa phương điều quyết định nhất là phải *xây dựng được*

Đảng bộ vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đảng bộ thấm nhuần đường lối, phương pháp cách mạng chung của Trung ương Đảng và vận dụng vào hoàn cảnh của tỉnh, của từng huyện, từng vùng, có chủ trương, biện pháp kịp thời huy động sức mạnh tổng hợp của địa phương vào công cuộc cách mạng.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Bắc Kạn qua 2/3 thế kỷ cho thấy, có đường lối cách mạng của Đảng soi sáng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh vững bước đi lên đấu tranh và giành thắng lợi. Từ khi có cán bộ của Đảng trực tiếp chỉ đạo và tổ chức đảng ở địa phương được thành lập thì phong trào cách mạng càng được xây dựng và phát triển đúng hướng. Mặc dù phải trải qua muôn vàn gian khổ hy sinh nhưng vượt lên trên tất cả, phong trào vẫn luôn luôn phát triển và giành được thắng lợi quyết định.

Ra đời trong cao trào giải phóng dân tộc, Đảng bộ Bắc Kạn vừa là hạt nhân lãnh đạo, vừa là con đẻ của phong trào cách mạng của quần chúng. Sức mạnh của Đảng bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị qua các thời kỳ lịch sử là bắt nguồn từ mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng , gắn việc xây dựng Đảng với việc xây dựng phong trào cách mạng của quần chúng. Bài học từ "*những con đường quần chúng* " trên nửa thế kỷ qua vẫn còn nguyên giá trị khi Bắc Kạn cùng cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ mới, vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đảng viên, mạnh dạn đào tạo và giao việc cho cán bộ, kiên trì giúp đỡ những lúc khó khăn. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng bộ đã tiến hành đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ quần chúng cốt cán ở huyện, xã, nhất là vùng sâu, vùng xa, góp phần đẩy nhanh phong trào tiến lên cao trào, tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Một trong những vấn đề có vị trí then chốt trong phong trào cách mạng địa phương là vai trò của Tỉnh uỷ(Ban cán sự Đảng tỉnh trước đây). Trong điều kiện hoạt động bí mật cực kỳ khó khăn và không ít tổn thất, trên cơ sở nắm vững đường lối của Đảng, sâu sát với thực tiễn, phát huy ý chí kiên cường, tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo, Ban cán sự Đảng tỉnh đã góp phần to lớn vào việc đưa phong trào cách mạng tiến lên. Trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội, những chủ trương, biện pháp do Tỉnh uỷ đề ra đã trở thành động lực to lớn đưa Bắc Kạn cùng cả nước kháng chiến thắng lợi và đạt được những thành tựu trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bắc Kạn là tỉnh có nhiều dân tộc ít người. Giữa các dân tộc vốn có truyền thống đoàn kết, gắn bó, đùm bọc lẫn nhau, nhưng mỗi dân tộc có sắc thái riêng, phong

tục tập quán riêng, trình độ phát triển, tâm lý cũng khác nhau, việc đối xử bình đẳng *xây dựng và củng cố khối đoàn kết* anh em các dân tộc là vấn đề hết sức quan trọng để xây dựng lực lượng cách mạng và phong trào cách mạng.Trên cơ sở khối đại đoàn kết dân tộc, việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp trong các mặt trận và toàn thể quần chúng cách mạng do Đảng lãnh đạo, khai thác các giá trị và phong tục tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trong vận động quần chúng và xây dựng lực lượng ...là yêu cầu khách quan đối với sự phát triển phong trào cách mạng ở địa phương. Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và chiến tranh giải phóng, Đảng bộ lấy việc động viên tinh thần yêu nước chống ngoại xâm làm động lực chính huy động sức người, sức của cho cách mạng. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay một mặt tiếp tục động viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mặt khác, cần chú trọng hơn là việc quan tâm chăm lo cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. Biện pháp thiết thực nhất là tạo ra những cơ sở cần thiết như đường sá, điện, thủy lợi... tổ chức hướng dẫn các thành phần kinh tế mở rộng ngành nghề phát triển sản xuất theo phương hướng mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trước đây, từ đặc điểm của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn biết *phát huy thế mạnh của địa phương*

như nghề rừng, bảo đảm giao thông vận tải... để phát động các phong trào cách mạng mang đặc trưng riêng và đã đạt kết quả cao. Ngày nay trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, những đặc trưng riêng, những thế mạnh của địa phương vẫn cần được khai thác để Bắc Kạn vượt qua những khó khăn, vững vàng đi tới, trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, an ninh, nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc.

Quá trình đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Bắc Kạn đã tạo nên truyền thống cách mạng vẻ vang:

- *Đoàn kết toàn dân,* đoàn kết các dân tộc dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- *Kiên cường, bất khuất* trong đấu tranh với quân thù.

- *Tuyệt đối trung thành,* tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng.

- *Lao động cần cù, sáng tạo* để xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh.

Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đang cùng toàn Đảng, toàn dân bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước thời cơ và thách thức lớn. Với bề dày truyền thống vẻ vang và một khí thế mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đang vững bước đi lên,

phát huy nội lực, xây dựng quê hương giàu mạnh, văn minh, tiến bộ, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của căn cứ địa cách mạng.

MỘT SỐ THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN BẮC KẠN

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO CÁC TỈNH THÁI NGUYÊN, BẮC CẠN, LẠNG SƠN, CAO BẰNG, HÀ ĐÔNG *

Cùng đồng bào các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Đông

Gần đây các đồng bào các giới phụ lão, nam nữ, thanh niên, nhi đồng và đồng bào Kinh, Thổ, Nùng, Mán, Mèo, v.v. có gửi thư hỏi thăm tôi và tỏ lòng thân ái. Vì tôi nhiều việc, không thể trả lời riêng cho mỗi một đoàn thể hay mỗi một đồng bào, vậy tôi xin cảm ơn chung tất cả. Tuy hiện nay tôi ở Hà Nội, xa cách với đồng bào nhưng không bao giờ tôi quên các đồng bào. Tôi luôn luôn nhớ đến lòng yêu mến và sự giúp đỡ của các đồng bào trong những ngày tháng tôi ở thượng du. Tôi luôn luôn nhớ đến tình thân mật mà các đồng bào đối với tôi trong những lúc chúng ta gặp gỡ nhau.

Tôi luôn nhớ đến những lúc tôi đau ốm, anh chị em săn sóc ân cần như ruột thịt. Vì vậy, người tôi tuy có xa

---

* Dẫn theo nguyên bản trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, 1996. Chữ C trong Bắc Cạn được giữ như nguyên bản.

cách nhưng lòng tôi vẫn luôn luôn gần gũi anh em. Tôi chắc rằng cái tình thân ái ấy không bao giờ phai lạt.

Vậy xin các đồng bào nhận lời cảm ơn và lời chào thân ái của tôi.

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
sđd, t.4, tr.210.

THƯ GỬI CÁC BẠN PHỤ TRÁCH XE HƠI BẮC KẠN

(Nhờ Tổng Liên đoàn Lao động chuyển)

Trong thời kỳ toàn quốc chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công, Bắc Cạn được cái vinh dự là có xe hơi chạy đầu tiên ở Việt Bắc, mà các chú:

Đào Huy Đãn: chữa máy

Hoàng Văn Dá: cầm máy

Hoàng Văn Bình: cầm máy

Lường Văn Cành: giúp việc

Nguyễn Văn Thi: giúp việc

thì có cái vinh hạnh là phụ trách chiếc xe hơi chạy đầu tiên.

Tôi được báo cáo rằng các chú rất cố gắng và cẩn thận. Thế là rất tốt.

Nhân dịp này tôi có vài lời *dặn chung*:

Có kết quả bước đầu ấy là do các cán bộ chính quyền và đoàn thể hợp tác chặt chẽ, công tác thiết thực, và nhờ đồng bào Bắc Cạn hăng hái sửa đường.

Vậy từ nay, bất kỳ việc to việc nhỏ, các cán bộ đều phải giải thích rõ ràng cho mỗi người dân đều hiểu rõ, đều vui lòng thì làm việc gì cũng sẽ thành công mau chóng, tốt đẹp. Và *dặn riêng* các anh em phụ trách xe hơi:

1. Tuyệt đối chớ chạy xe ban ngày.

2. Anh em phải đoàn kết chặt chẽ, hết lòng giúp đỡ lẫn nhau.

3. Săn sóc yêu quý cái xe như con mình.

4. Tiết kiệm dầu, than và các tài liệu.

5. Thi đua học hỏi kỹ thuật và chính trị, để cùng nhau tiến bộ mãi.

Tôi rất mong các bạn ghi nhớ và thực hành những lời dạy đó, thì mỗi người sẽ tiến bộ mau và thành công to.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 1 tháng 5 năm 1950

HỒ CHÍ MINH

(Không được đăng báo thư này)

Hồ Chí Minh: *Toàn tập,*

sđd, t.6, tr.41-42.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TỈNH BẮC CẠN SAU KHI ĐƯỢC GIẢI PHÓNG[1]

Cùng chiến sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích,

Cùng đồng bào toàn tỉnh Bắc Cạn và đồng bào thị xã Bắc Cạn,

Sau hai năm ra sức bám lấy Bắc Cạn, ngày nay giặc Pháp đã bị đuổi ra khỏi căn cứ quan trọng ấy.

Sau hai năm dưới gót giày dã man tàn nhẫn của quân Pháp, ngày nay Bắc Cạn đã được giải phóng.

Đó là nhờ sự chiến đấu anh dũng của quân đội, nhờ lòng kiên quyết kháng chiến của đồng bào, nhờ đồng bào trong thị xã đã hăng hái hưởng ứng.

Đó là nhờ quân và dân ta nhất trí, trong đánh ra, ngoài đánh vào mà có thắng lợi ấy.

Tôi thay mặt Chính phủ gửi lời thân ái khen ngợi bộ đội và dân quân du kích cùng đồng bào Bắc Cạn. Tôi gửi lời thân ái an ủi đồng bào thị xã Bắc Cạn đã được trở lại

---

1. Ngày 9-8-1949, quân ta bức địch phải rút khỏi Bắc Cạn. Đây là thị xã đầu tiên được giải phóng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (B.T).

trong cánh tay yêu mến của Tổ quốc.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến của ta, lần này là lần đầu tiên một thị xã quan trọng đã được giải phóng. Cuộc thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn.

Tuy vậy, tôi cần nhắc lại, quân và dân ta phải luôn luôn nhớ rằng: càng thất bại thì giặc Pháp càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi to, thì càng phải đề phòng gặp khó khăn nhiều.

Vì vậy chúng ta tuyệt đối chớ chủ quan khinh địch, chớ sơ suất kiêu ngạo.

Trái lại, càng thắng lợi, chúng ta càng phải cẩn thận, càng phải đề phòng và chuẩn bị, càng phải cố gắng về mọi mặt, để giải quyết những sự khó khăn mới và để tiến đến thắng lợi hoàn toàn, để tranh lấy thống nhất và độc lập hoàn toàn và thực sự.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 8 năm 1949

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập,*

sđd, t.5, tr.661-662.

THƯ GỬI CÁC CÁN BỘ BẮC CẠN

Gửi các đồng chí cán bộ tỉnh Bắc Cạn,

Những việc Bác dặn làm, như:

- *Mua thóc kịp thời*: Nếu nay chưa lĩnh được tiền thì phái người chắc chắn đến thẳng Cục chính trị Bộ Tổng tư lệnh, hỏi Cục trưởng là đồng chí Thanh mà lấy. Bác đã dặn đồng chí Thanh rồi.

- *Đắp đường, sửa đường*: Phải tổ chức thế nào cho công việc mau chóng, mà đỡ hao phí sức người, sức vật. Dùng cách thi đua.

- *Gặt hái kịp thời:* Phải tổ chức, cổ động, giúp đỡ cho dân gặt hái cho mau, chớ để lúa bị ngâm nước, hư hỏng. Thi đua tăng gia sản xuất một cách thiết thực.

- *Chén gạo tiết kiệm*: Việc này tuy dễ, song cũng phải có kế hoạch chu đáo. Phải tuyên truyền, giải thích, cổ động, thi đua. Phải có kế hoạch: ai phụ trách thu góp, thu góp cách thế nào, cất trữ, sử dụng thế nào, v.v..

- *Quán nghỉ cán bộ:* Việc này cần làm, để cho cán bộ đi công tác xa, khỏi bị bọn đầu cơ bóc lột. Phụ nữ và thanh niên nên phụ trách làm. Đoàn thể và chính quyền

giúp sức và kiểm tra.

- *Lề lối làm việc:* Mọi việc bất kỳ to nhỏ, phải có kế hoạch, phải bàn bạc kỹ. Phải giải thích cho dân hiểu rõ, sao cho dân vui vẻ thi đua làm. Hết sức tránh bệnh quan liêu, bệnh mệnh lệnh.

- *Giản chính, tinh cán:* Các cơ quan chính quyền và đoàn thể cần phải triệt để giản chính. Đó là tiết kiệm sức người. Song đồng thời phải nâng cao năng suất công tác của mỗi người, mỗi cơ quan phải lựa chọn cán bộ, dùng cán bộ cho đúng - Thế gọi là tinh cán. Hai việc phải đi đôi với nhau.

- *Phải thường báo cáo* kết quả những việc trên cho Bác biết. Báo cáo gồm cả khuyết điểm và ưu điểm. Chúc các chú, các cô sức khoẻ và công tác tiến bộ.

Chào thân ái và quyết thắng

Thượng tuần tháng 11 năm 1950

BÁC HỒ

Hồ Chí Minh: *Toàn tập,*

sđd, t.6, tr.129-130.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO CAO - BẮC - LẠNG NHÂN DỊP CHIẾN THẮNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BIÊN GIỚI

Cùng đồng bào thân mến,

Chúng ta đã thắng to trong chiến dịch Cao - Bắc - Lạng. Có cuộc thắng lợi đó là vì đồng bào ba tỉnh ta đã rất hăng hái tham gia kháng chiến. Vì bộ đội ta dũng cảm. Vì Chính phủ ta rất kiên quyết. Vì quân, dân, chính của ta đoàn kết chặt chẽ.

Tôi rất vui lòng thay mặt Chính phủ cảm ơn và khen ngợi đồng bào. Tôi đặc biệt nêu cao công lao của phụ nữ Cao - Bắc - Lạng. Hàng vạn chị em Kinh, Thổ, Trại, Mán v.v. đã không quản ngại xa xôi, trèo đèo, lội suối, ăn đói nằm sương, đã thi đua làm việc sửa đường vận tải giúp đỡ bộ đội, để góp một phần vào thắng lợi. Chúng ta đã thắng lợi trong chiến dịch này, nhưng chúng ta phải biết rằng: để tiêu diệt hết giặc Pháp, để chống lại bọn can thiệp Mỹ, để giải phóng hoàn toàn Tổ quốc, chúng ta còn phải vượt qua bao nhiêu sự khó khăn, cực khổ nữa. Chúng ta chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch. Nhưng với sức đại đoàn kết, tinh thần hăng hái và bền bỉ của đồng bào, với sự dũng cảm của

bộ đội, với lòng kiên quyết của Chính phủ, chúng ta nhất định vượt qua tất cả mọi khó khăn để tranh lấy hoàn toàn thắng lợi.

Đồng bào Cao - Bắc - Lạng đã làm kiểu mẫu trong việc động viên nhân lực, vật lực, tài lực cho kháng chiến. Tôi chắc rằng đồng bào ba tỉnh ta sẽ luôn luôn cố gắng thêm để giữ lấy địa vị vẻ vang mà tôi chắc rằng đồng bào các nơi khác sẽ ra sức thi đua với đồng bào Cao - Bắc - Lạng trong công việc thi hành Sắc lệnh tổng động viên.

Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!

Thống nhất độc lập nhất định thành công!

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 14 tháng 10 năm 1950

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập,*
sđd, t. 6, tr. 104-105.

KHUYÊN THANH NIÊN[1]

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
sđd, t.6, tr.95.

1. Trung tuần tháng 9-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch. Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

HŨ GẠO KHÁNG CHIẾN CỦA PHỤ NỮ NGÂN SƠN

Từ tháng 1 đến tháng 3 năm nay, phụ nữ Ngân Sơn (Bắc Cạn) đã góp được 2.230 ống gạo tiết kiệm. Mỗi ống là 7 lạng. Thế là mỗi tháng phụ nữ Ngân Sơn đã góp được 1.061 kilô gạo.

Thành tích ấy đã được Hồ Chủ tịch ban khen.

Nhiều nơi khác cũng có hũ gạo tiết kiệm, nhưng kết quả không được mấy. Thí dụ ở Bắc Cạn, các huyện:

Chợ Rã chỉ được 132 kilô

Chợ Đồn - 138 -

Bạch Thông - 304 -

Thành tích ít là vì cán bộ phụ nữ:

- không biết giải thích rõ ràng cách làm và ý nghĩa của hũ gạo kháng chiến để ai cũng hiểu rõ và vui lòng làm.

- không kiên gan, không chịu khó, "đánh trống bỏ dùi", làm được ít lâu lại bỏ.

- không thường xuyên khuyến khích nhắc nhở các gia đình. Thậm chí có khi lười không đi thu, để gạo mốc hỏng, hoặc bị chuột ăn, cho nên các gia đình không vui

lòng tiếp tục.

- cán bộ thanh niên và Hội nông dân cứu quốc không giúp cán bộ phụ nữ làm việc đó.

Ý NGHĨA CỦA HŨ GẠO KHÁNG CHIẾN

Đó là một cách thực hiện chữ *Kiệm* mà Hồ Chủ tịch luôn luôn dạy bảo chúng ta.

Do hũ gạo kháng chiến mà mỗi ngày, mỗi bữa, nhân dân nhớ đến bộ đội, bộ đội nhớ đến nhân dân, cảm tình giữa quân và dân càng thêm mặn mà.

Đó là một cách giúp cho tăng gia sản xuất.

Riêng ở Bắc Bộ, nếu 485 huyện đều làm được như Ngân Sơn, thì mỗi năm sẽ tiết kiệm được 2.500 tấn gạo, đủ nuôi 125.000 người trong một tháng.

Nếu các cơ quan và bộ đội cũng đều có hũ gạo kháng chiến thì sẽ đủ nuôi 200.000 người trong một tháng.

Do đó, mỗi năm Chính phủ sẽ tiết kiệm được mấy trăm triệu đồng về lương thực, và thêm số tiền ấy vào những việc ích lợi chung cho quân đội và nhân dân.

Thế là hũ gạo kháng chiến sẽ giúp ích nhiều cho kháng chiến và kiến quốc.

CÁCH LÀM HŨ GẠO KHÁNG CHIẾN

1- Trước hết, cán bộ phải giải thích cho mọi người

(nhất là chị em phụ nữ) hiểu thật rõ ý nghĩa và lợi ích của hũ gạo kháng chiến.

2- Cán bộ và mọi người phải hiểu rõ đó là một việc giản đơn, dễ làm, nhưng phải làm lâu dài, bền bỉ, làm hàng ngày, hàng tháng, hàng năm.

Thí dụ: Nhà có hai người ăn, thì mỗi bữa khi cho gạo vào nồi, chỉ bớt lại nửa cốc (cốc nhỏ uống nước), bỏ vào một cái hũ hoặc một cái ống (chứ không phải lấy gạo ở bồ).

Nhà 4 người thì bớt một cốc. Nhà 6 người thì bớt một cốc rưỡi, v.v..

Mỗi nhà, mỗi bữa chỉ cần tiết kiệm một số *gạo rất ít*, không thấm vào đâu, cho nên dễ làm.

Nhưng "góp gió thành bão", nhà nào cũng làm cho nên số gạo cộng lại khá nhiều.

Mấy điểm cần phải chú ý là:

- Cán bộ đi thu gạo phải đúng ngày.

- Cất đặt phải cẩn thận, chớ để gạo hỏng.

- Việc dùng gạo phải rất minh bạch, tuyệt đối tránh lạm dụng, tránh bừa bãi.

- Mỗi cơ quan, bộ đội, mỗi địa phương, mỗi tháng tiết kiệm được bao nhiêu, phải báo cáo cho quần chúng biết.

Việc làm hũ gạo kháng chiến rất giản đơn mà ích lợi thì to lớn.

Mong rằng các cơ quan, bộ đội và địa phương đều cố gắng thi đua làm hũ gạo kháng chiến như đồng bào Ngân Sơn.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
sđd, t.6, tr.194-196.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TỈNH BẮC KẠN

I. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược:

1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Kạn.

2- Cấp huyện: gồm 3 huyện, 1 thị xã.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Bạch Thông.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Chợ Đồn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Ngân Sơn.

- Thị xã Bắc Kạn.

3- Cấp xã và thị trấn:

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Huyền Tụng, thị xã Bắc Kạn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Khang Ninh, huyện Ba Bể.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn.

- Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông.

II. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: 1 xã.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Yên Thượng, huyện Chợ Đồn.

III. Cá nhân được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân gồm: 3 đồng chí.

1- Đồng chí Nguyễn Văn Thoát, sinh năm 1945, dân tộc Tày, quê xã Nông Thượng, thị xã Bắc Kạn. Được

tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1970. Hy sinh tại chiến trường miền Nam, tháng 8-1971.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Tấn, sinh năm 1942, dân tộc Tày, quê xã Hà Vị, Bạch Thông. Được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, tháng 12-1973. Hiện là thượng tá, công tác tại Cục kỹ thuật, Bộ Quốc phòng.

3- Đồng chí Hà Văn Vấn, sinh năm 1944, dân tộc Tày, quê xã Nông Hạ, Chợ Mới. Được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tháng 10-1971. Hiện nghỉ hưu tại xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới.

IV. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng gồm: 10 bà mẹ

1- Mẹ Nông Thị Èn(đã mất), quê xã Thượng Quan, Ngân Sơn. Trú quán tại xã Thượng Quan, Ngân Sơn, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

2- Mẹ Phương Thị Pính, quê xã Hà Vị, Bạch Thông. Trú quán tại xã Hương Nê, Ngân Sơn, có một con duy nhất là liệt sĩ.

3- Mẹ Doanh Thị Ẩn (đã mất), quê xã Thượng Ân, Ngân Sơn. Trú quán tại xã Bằng Vân, Ngân Sơn, có 3 con là liệt sĩ.

4- Mẹ Triệu Thị Thin, quê xã Nà Phặc, Ngân Sơn. Trú quán tại xã Nà Phặc, Ngân Sơn, có 2 con là liệt sĩ.

5- Mẹ Ma Thị Va (đã mất), quê xã Mỹ Phương, Ba

Bể. Trú quán tại xã Nà Phặc, Ngân Sơn, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

6- Mẹ Đinh Thị Nhảng (đã mất), quê xã Thuần Mang, Ngân Sơn. Trú quán tại xã Nà Phặc, Ngân Sơn, có 1 con nuôi duy nhất là liệt sĩ.

7- Mẹ Lường Thị Tần (đã mất), quê xã Phương Viên, Chợ Đồn. Trú quán tại xã Hòa Mục, Chợ Mới, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

8- Mẹ Mông Thị Chu, quê xã Lam Vỹ, Định Hóa, Thái Nguyên. Trú quán tại phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

9- Mẹ Nguyễn Thị Long (đã mất), quê xã Khang Ninh, Ba Bể. Trú quán tại xã Khang Ninh, Ba Bể, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

10- Mẹ Hoàng Thị Hiền (đã mất), quê xã Mỹ Phương, Ba Bể. Trú quán tại xã Quang Phong, Na Rì, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Kạn: *Sơ khảo Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn.* Bản in rônêô lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Kạn.

- Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái: *Lịch sử Đảng bộ Bắc Thái,* tập I(1980), tập II(1991).

- Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giong*, Cao Bằng, 1984.

- Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng từ 25-11-1945 - 31-12-1946,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969.

- *Văn kiện Đảng (1930 - 1945)*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội ,1977.

- *Bác Hồ với Bắc Thái*, Ty văn hoá thông tin Bắc Thái, 1978.

- *Báo Sự thật* số 104(ra ngày 19-12-1948), số 11(ra ngày 10-9-1949).

- Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí,* Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, tập I.

- Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đảng (1945 - 1954),* Hà Nội, 1977.

- Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969.

- Phan Huy Lê: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1959, tập II.

- Phan Huy Lê - Chu Thiên - Vương Hoàng Tuyên - Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam,* Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, tập III.

- Phan Huy Lê - Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn - Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam,* Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội,1985, tập I.

- *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943-1995),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Đồn (1930 - 1954)*, xuất bản 1993.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930 - 1954),* xuất bản 1998.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975),* xuất bản, 1996.

- *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn(1939 - 1954),* xuất bản 1991.

- Cung Văn Lược - Lê Bích Ngân: *Lượn Cọi Tày Nùng,* Nxb. Văn hóa dân tộc, 1978.

- Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,1995, 1996.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971 , tập IV.

- Phạm Ngọc Toàn - Phan Tất Đắc: *Khí hậu Việt Nam,* Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội ,1978.

- Viện Dân tộc học: *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam,* Hà Nội ,1992.

- Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ: *Mùa xuân và phong tục Việt Nam,* Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1976.

+ Các tạp chí:

Nghiên cứu Lịch sử,

Lịch sử Đảng,

Lịch sử Quân sự,

Dân tộc học.

+ Tài liệu lưu trữ tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Bắc Kạn.

+ Hồi ký cách mạng và thư của các đồng chí lão thành cách mạng từng hoạt động trên địa bàn Bắc Kạn trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và trong kháng chiến chống Pháp, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời tựa	7
Lời giới thiệu	11
Phần mở đầu	
BẮC KẠN, CẢNH QUAN, CƯ DÂN VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ	15
I. Vị trí, địa lý hành chính	17
II. Cảnh quan thiên nhiên	20
III. Đặc điểm cư dân và văn hoá	27
IV. Truyền thống yêu nước	34
Phần thứ nhất	
TIẾP THU ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG, THÀNH LẬP TỔ CHỨC ĐẢNG, TIẾN LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945	41
Chương I: Tiếp thu ánh sáng cách mạng và sự ra đời của tổ chức Đảng năm 1943	43
I. Tình hình Bắc Kạn dưới ách thống trị của thực dân Pháp.	43

II. Tiếp thu ánh sáng cách mạng 52

III. Từ việc xây dựng "con đường quần chúng" đến sự ra đời tổ chức Đảng 66

Chương II: Tiếp tục xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang, lãnh đạo nhân dân vùng lên giành chính quyền (1943 - 1945) 82

I. Xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang, chuẩn bị khởi nghĩa 82

II. Đấu tranh giành chính quyền bộ phận 93

III. Khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 108

Phần thứ hai

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TỈNH ĐẤU TRANH GIỮ VỮNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954) 117

Chương I: Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương (1945 - 1949) 119

I. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng 119

II. Xây dựng an toàn khu, chiến thắng Việt Bắc năm 1947 137

III. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương 152

Chương II: Xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi (1949 - 1954) 167

I. Đại hội Đảng bộ lần thứ III, củng cố hệ thống chính trị địa phương 167

II. Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội 177

III. Chiến đấu bảo vệ hậu phương, chi viện phục vụ chiến trường 188

IV. Cuộc đấu tranh tiểu phỉ 201

Phần thứ ba

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 -1975) 211

Chương I: Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 -1965) 213

I. Hoàn thành giảm tô, khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách dân chủ và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960) 214

II. Đảng bộ lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) 243

Chương II: Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1965 - 1975) 264

I. Chuyển hướng lãnh đạo từ thời bình sang thời chiến 266

II. Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời chiến 270

III. Góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện chiến trường miền Nam. 290

IV. Sự trưởng thành của các cấp bộ Đảng ở Bắc Kạn trong thời kỳ cả nước có chiến tranh. 300

Kết luận 305

– Một số thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cán bộ và nhân dân Bắc Kạn 315

– Danh sách các đơn vị, cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tỉnh Bắc Kạn. 331

Kết luận 305

– Một số thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cán bộ và nhân dân Bắc Kạn 315

– Danh sách các đơn vị, cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tỉnh Bắc Kạn. 331

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM
Biên tập:
TRẦN THỊ TỐN
TRƯƠNG DIỆP BÍCH
Vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HOÀ
Sửa bài: BAN NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty In và Văn hóa phẩm
Giấy phép xuất bản số: 20-312/CXB-QLXB cấp ngày 3/4/2000
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2000.